BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng TRUNG QUỐC

5

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN HOÀNG ANH (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN PHƯỚC LỘC (Chủ biên)
TRẦN THỊ KIM LOAN – CHÂU A PHÍ – VƯƠNG QUẾ THU – NGUYỄN THỊ THANH THUÝ

Tiếng TRUNG QUỐC 5

SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GV: giáo viên

HS: học sinh

SGK: sách giáo khoa

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Tiếng Trung Quốc 5 là cuốn sách hướng dẫn và gợi ý giáo viên sử dụng sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 5*** thuộc bộ sách giáo khoa Tiếng Trung Quốc – Ngoại ngữ 1 được biên soạn để phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Trung Quốc, Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 1 tháng 7 năm 2021. Cuốn sách gồm 3 phần:

PHẦN I: Những vấn đề chung

Phần này bao gồm (1) Giới thiệu sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 5***; (2) Phương pháp và kĩ năng giảng dạy; (3) Gợi ý hình thức kiểm tra đánh giá; (4) Cấu trúc khung kế hoạch giảng dạy tham khảo.

PHẦN II: Gợi ý giảng dạy từng bài học

Phần này sẽ giới thiệu các nội dung sau cho từng bài học: (1) Yêu cầu cần đạt; (2) Trọng tâm dạy học (bao gồm kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ và văn hoá trong giao tiếp); (3) Thiết bị dạy học và học liệu; (4) Tiến trình dạy học (kèm theo thời lượng, nội dung giảng dạy, gợi ý các hình thức giảng luyện); (5) Phương pháp giảng luyện.

Nội dung trong cuốn ***Sách giáo viên Tiếng Trung Quốc 5*** chỉ nhằm định hướng và gợi ý cho giáo viên trong quá trình giảng dạy và sử dụng sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 5***. Với mỗi điều kiện dạy học cụ thể, giáo viên cần áp dụng các hình thức dạy học linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với từng đối tượng học sinh, nhằm đạt được mục đích cuối cùng là sử dụng hiệu quả sách giáo khoa.

Chúc các thầy cô thành công trên con đường bồi dưỡng niềm say mê học tập tiếng Trung Quốc của học sinh, giúp học sinh bước đầu tự tin giao tiếp, hăng hái tiếp tục môn học ở các cấp học tiếp theo.

PHẦN III: Mẫu đề kiểm tra cuối kì

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	3
PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	5
I. Giới thiệu sách giáo khoa Tiếng Trung Quốc 5	5
II. Phương pháp, kĩ năng giảng dạy và khai thác thiết bị dạy học và học liệu	9
III. Gợi ý hình thức kiểm tra đánh giá	10
IV. Cấu trúc khung kế hoạch bài dạy tham khảo	11
PHẦN II: GỢI Ý GIẢNG DẠY TỪNG BÀI HỌC	12
第一课：我想给你介绍我的新朋友	12
第二课：你的爱好是什么	18
第三课：你能不能帮我	24
第四课：复习（1）	31
第五课：我们的中文老师	36
第六课：我在上中文课呢	43
第七课：要是不下雨，我们家就去公园玩儿	50
第八课：复习（2）	57
第九课：下午你做什么	62
第十课：橙子多少钱一盒	69
第十一课：我们是上午去看爷爷、奶奶的	75
第十二课：复习（3）	81
第十三课：他们是坐火车来的	86
第十四课：你知道胡志明博物馆在哪儿吗	92
第十五课：这把伞是在超市买的	98
第十六课：复习（4）	103
PHẦN III: MẪU ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ	108

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN I:
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG TRUNG QUỐC 5

1. Mục tiêu cần đạt

1.1 Mục tiêu chung

Bộ sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 5*** (Tập 1 và Tập 2) thuộc bộ sách giáo khoa Tiếng Trung Quốc – Ngoại ngữ 1 được biên soạn để phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Trung Quốc, Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm, sử dụng cho học sinh lớp 5. Đây là cuốn sách cuối cùng của cấp Tiểu học trong Chương trình, hoàn thiện cho học sinh những kiến thức và kĩ năng tiếng Trung Quốc ở bậc 1 trong *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Sau khi hoàn thành chương trình lớp 5, học sinh có thể hiểu, sử dụng được các cấu trúc ngôn ngữ biểu đạt các vấn đề thường nhật và sử dụng được các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu về những thông tin như nơi sinh sống của bản thân, người thân và bạn bè,…; Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ; Có thể đọc được các chữ Hán đã học và viết được một lượng chữ Hán quy định trong Chương trình. Đây là giai đoạn quan trọng để học sinh hoàn thiện năng lực giao tiếp ở Bậc 1, tự tin và hứng thú với việc khám phá tiếng Trung Quốc, tạo tiền đề cho việc duy trì học tập, tiếp tục nâng cao năng lực tiếng Trung Quốc ở các cấp học tiếp theo.

Trên cơ sở đó, sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 5*** được xây dựng bài học với các nội dung giao tiếp xoay quanh các chủ điểm: (1) Em và bạn bè của em; (2) Em và trường học của em; (3) Em và gia đình em; (4) Em và thế giới quanh em. Qua đó học sinh rèn luyện được năng lực giao tiếp, nắm được các kiến thức ngôn ngữ Trung Quốc và các kiến thức văn hoá xã hội liên quan.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Tiếng Trung Quốc 5 giúp học sinh đạt được những mục tiêu cụ thể như sau:

– Về kĩ năng ngôn ngữ:

Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung Quốc về các chủ đề trong Chương trình thông qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết (phiên âm và một số lượng chữ Hán nhất định trong số các chữ Hán có thể đọc được), trong đó hai kĩ năng nghe và nói đi trước đọc và viết. Cụ thể: Đọc được các từ ngữ bằng chữ Hán đã học, phát âm rõ ràng

chuẩn mực; Nắm được cách viết một số bộ thủ cơ bản, vận dụng được quy tắc viết chữ Hán để viết được 128 chữ Hán. Viết phiên âm hoặc viết chữ Hán một số cụm từ, câu hoặc đoạn miêu tả ngắn; Nghe hiểu, đọc hiểu và nói được những lời thoại ngắn liền mạch có trọng âm và ngữ điệu câu rõ ràng thuộc các chủ điểm đã học.

– Về kiến thức ngôn ngữ, văn hoá:

Nắm được các trọng âm từ, ngữ điệu câu. Nắm được cấu trúc chữ Hán, ý nghĩa một số bộ thủ cơ bản, cách viết các chữ độc thể. Nắm được cách dùng thêm khoảng 170 từ và khoảng 30 từ ngữ trọng điểm và cấu trúc ngữ pháp. Bước đầu tìm hiểu được cách nhìn nhận thế giới của người Trung Quốc xưa thông qua một số chữ Hán đơn giản.

– Về thái độ tình cảm:

Hứng thú và có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Trung Quốc. Bước đầu hình thành cách học tiếng Trung Quốc hiệu quả. Có nguyện vọng tiếp tục khám phá ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc ở các bậc học tiếp theo.

2. Đối tượng sự dụng và phạm vi sử dụng

– Đối tượng sử dụng: Giáo viên và học sinh lớp 5 dạy và học tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ theo chương trình giáo dục phổ thông môn ngoại ngữ hệ 10 năm.

– Phạm vi sử dụng: Sách sử dụng đại trà cho học sinh trên toàn quốc.

3. Nguyên tắc biên soạn

Bộ sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 5*** được biên soạn dựa trên những nguyên tắc cơ bản sau đây:

– Tuân thủ các quy định được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo nói chung và Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Trung Quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 1 tháng 7 năm 2021 nói riêng.

– Bám sát các cơ sở lí luận, kết quả nghiên cứu cập nhật, đáng tin cậy về thiết kế và xây dựng sách giáo khoa cho học sinh cấp tiểu học, kết hợp hài hoà với tình hình thực tế ở Việt Nam, đảm bảo sự đa dạng của đối tượng học sinh xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

– Đảm bảo bám sát hệ thống chủ điểm, chủ đề được nêu trong Chương trình, đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy học tiếng Trung Quốc với các giai đoạn tiếp theo, bước đầu tạo nền tảng giúp hướng tới mục tiêu tiếp cận chuẩn đầu ra của toàn bộ Chương trình.

– Đảm bảo lấy hoạt động của học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học. Năng lực giao tiếp tiếng Trung Quốc của học sinh được phát triển thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo, giúp khuyến khích học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm ngôn ngữ ở mức tối đa, bước đầu làm quen, tạo tiền đề hình thành khả năng tự học.

– Bám sát các quy định về phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá và nội dung hướng dẫn thực hiện chương trình, trong đó có quy định về phân bổ thời lượng dạy học bao gồm 140 tiết (4 tiết/tuần, 35 tuần).

4. Phương pháp biên soạn

Bộ sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 5*** được biên soạn theo một số phương pháp tiêu biểu sau đây:

– Thiết kế nội dung và hoạt động học tập theo đường hướng giao tiếp, chú ý rèn luyện cho học sinh bốn kĩ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết, trong đó kĩ năng Nghe và Nói đi trước một bước.

– Thiết kế hội thoại theo tình huống giao tiếp sát với thực tế, tạo cảm giác gần gũi kích thích giao tiếp.

– Thiết kế nội dung kiến thức ngôn ngữ theo nội dung giao tiếp với trật tự từ dễ đến khó, có sự lặp lại, mở rộng và nâng cao. Để không tạo áp lực nặng nề về lí thuyết, bộ sách không liệt kê kiến thức ngôn ngữ một cách đầy đủ, toàn diện và hệ thống, mà chỉ thông qua các ví dụ cụ thể, giới thiệu và hướng dẫn một cách ngắn gọn, dễ hiểu nhất các kiến thức ngôn ngữ đặc thù, khác với tiếng Việt hoặc học sinh dễ nhầm lẫn. Với kiến thức ngôn ngữ tương tự như tiếng Việt thì học sinh được tiếp nhận một cách tự nhiên trong các câu giao tiếp.

– Thiết kế nội dung và hoạt động học tập phong phú, đa dạng, với nhiều hình ảnh trực quan, sinh động, khơi dậy niềm đam mê và hứng thú học tập, bước đầu hình thành các kĩ năng học tập cho học sinh như quan sát, mô phỏng, phân tích...

– Thiết kế các hoạt động với hình thức tổ chức đa dạng như luyện tập cá nhân, luyện tập nhóm, đảm bảo sự tương tác nhiều chiều giữa học sinh với giáo viên, giữa học sinh với học sinh, giữa các cá nhân và các nhóm với nhau. Các hoạt động có thể tổ chức riêng rẽ hoặc kết hợp với các kĩ năng thực hành tiếng (Nghe, Nói, Đọc, Viết).

– Thiết kế hoạt động học tập dựa trên phương pháp liên hệ, so sánh, giúp học sinh bước đầu hình thành khả năng phân tích những điểm tương đồng, khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá của Việt Nam và Trung Quốc, khơi dậy sự quan tâm nhiều hơn của học sinh đến đất nước và con người Trung Quốc, từ đó cũng thêm yêu tiếng mẹ đẻ và văn hoá của dân tộc mình.

5. Tổng quan cấu trúc

Bộ sách gồm 2 tập: Tập 1 và Tập 2. Mỗi tập đều có (1) Lời nói đầu; (2) Phần mở đầu; (3) Mục lục và (4) Bảng từ ngữ. "Lời nói đầu" giới thiệu đặc điểm, cấu trúc và các chủ điểm trong bộ sách. "Phần mở đầu" giới thiệu các nhân vật chính xuất hiện trong toàn bộ bộ sách và các câu giao tiếp đơn giản trên lớp. "Mục lục" được thiết kế theo hình thức ma trận giúp giáo viên và học sinh bao quát được toàn bộ nội dung dạy học trong từng tập sách, bao gồm số thứ tự bài học, tên bài học, mục tiêu bài học, kiến thức cần ghi nhớ, từ ngữ mới, số trang. "Bảng từ ngữ" đặt ở cuối mỗi cuốn sách, soạn theo từng tập và được sắp xếp theo trật tự phiên âm, bao gồm phiên âm, chữ Hán, nghĩa tiếng Việt, số thứ tự bài xuất hiện để tiện tra cứu ôn tập.

Nội dung bài học Tập 1 gồm Chủ điểm 1 (Em và bạn bè của em) và Chủ điểm 2 (Em và trường học của em); Nội dung bài học Tập 2 gồm Chủ điểm 3 (Em và gia đình em) và Chủ điểm 4 (Em và thế giới quanh em).

Các nhân vật chính trong bộ sách là 6 em học sinh lớp 3 (3 nam, 3 nữ), 2 giáo viên và thành viên trong gia đình của các em. Bối cảnh giao tiếp trực tiếp liên quan đến từng chủ điểm, có thể ở trường, ở nhà hoặc ở siêu thị, cửa hàng, viện bảo tàng, bến xe ô tô. Mỗi chủ điểm gồm 3 bài học tương ứng với các chủ đề khác nhau. Mỗi bài học đều được chia thành 2 chủ đề giao tiếp nhỏ. Mỗi chủ đề giao tiếp nhỏ gồm 2 cặp hội thoại ngắn. Các cặp hội thoại và chủ đề giao tiếp nhỏ đều xoay quanh chủ đề giao tiếp của bài học. Mỗi bài học bao gồm:

(1) Mục tiêu cần đạt;

(2) Nghe đọc từ mới có tranh minh hoạ kèm theo;

(3) Giảng luyện các cách biểu đạt mới;

(4) Nghe đọc các cụm từ, câu và hội thoại theo chủ đề, chủ điểm;

(5) Học và luyện viết chữ Hán;

(6) Luyện tập tổng hợp các kĩ năng giao tiếp, đồng thời củng cố kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, chữ Hán.

Các bài ôn tập sau mỗi chủ điểm nhằm củng cố kiến thức và kĩ năng đã học trong chủ điểm đó, gồm mục tiêu cần đạt, các bài tập luyện phát âm, viết chữ Hán, luyện nhớ từ ngữ, cấu trúc và kĩ năng giao tiếp theo chủ đề, chủ điểm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

II. PHƯƠNG PHÁP, KĨ NĂNG GIẢNG DẠY VÀ KHAI THÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Phương pháp, kĩ năng giảng dạy

Phương pháp giảng dạy chủ đạo là phương pháp dạy học giao tiếp, luôn luôn coi trọng việc hình thành và ưu tiên phát triển các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) cho học sinh. Kết hợp nhuần nhuyễn nghe – nói, đọc – nói, viết – nói. Mọi hoạt động giao tiếp đều phải được thực hiện trong các ngữ cảnh cụ thể. Chủ thể giao tiếp bao gồm giáo viên với học sinh (cá nhân hoặc nhóm hoặc cả lớp), giữa hai học sinh, giữa các thành viên trong một nhóm 3 – 5 học sinh, giữa các nhóm học sinh với nhau, hoặc giữa học sinh lớp này với học sinh lớp khác. Hình thức giao tiếp trực tiếp là chính, cũng có thể thông qua các phương tiện khác như ghi âm, nhắn tin, viết thư,...

Truyền thụ kiến thức ngôn ngữ, văn hoá trong quá trình luyện tập kĩ năng. Tích hợp giảng dạy các kiến thức ngữ âm, văn tự, từ vựng, ngữ pháp, văn hoá trong khi thực hành giao tiếp. Ở lớp học cuối bậc Tiểu học này, ngoài việc chỉnh phát âm chính xác, cần giúp học sinh biểu đạt một cách tự nhiên, tạo thói quyen nói có trọng âm, ngữ điệu rõ ràng. Chữ Hán đối với học sinh không còn quá xa lạ, song để giúp học sinh dễ nhớ, vượt qua trở ngại về viết chữ, tiến tới yêu thích môn học, cần tìm hiểu và giới thiệu một cách sinh động tới học sinh ý nghĩa của một số bộ thủ, chữ Hán độc thể xuất hiện trong bài học. Kiến thức từ vựng và ngữ pháp cần được kết hợp giảng, luyện nhuần nhuyễn. Khi giới thiệu một hoặc một nhóm từ mới, một cấu trúc mới cần phải thực hiện ngay việc tổ hợp cụm từ, đặt câu và hội thoại ngắn. Học sinh cần được ghi nhớ từ ngữ và cấu trúc trong các giao tiếp cụ thể. Không sử dụng thuật ngữ ngôn ngữ học không phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh lớp 5. Các kiến thức văn hoá xã hội liên quan cần được kịp thời giảng giải và chú ý ghi nhớ ngay mỗi lần xuất hiện trong giao tiếp nhằm đạt mục đích kép là học tập ngôn ngữ để tìm hiểu văn hoá văn minh.

Tuỳ từng nội dung bài học và điều kiện dạy học cụ thể có thể áp dụng phương pháp dạy học giao nhiệm vụ. Yêu cầu học sinh thông qua các từ ngữ, cấu trúc đã học và các phương tiện hỗ trợ liên quan, thực hiện các giao tiếp cần thiết để hoàn thành một nhiệm vụ nhất định.

Linh hoạt trong hình thức và hoạt động dạy học. Căn cứ vào từng bài học, từng giờ học, từng nội dung dạy học để thay đổi các hình thức và thủ pháp lên lớp. Tránh yêu cầu học sinh tập trung ghi nhớ cao độ trong thời gian dài. Sau mỗi 8 đến 10 phút cần thay đổi phương thức giảng luyện để tạo sự thay đổi không khí học tập. Các câu chuyện ngôn ngữ hài hước ngắn, phù hợp hoặc những hình ảnh, âm thanh sống động đan xen giữa những nội dung giảng luyện sẽ là nhân tố quan trọng để tạo ra sự linh hoạt và nâng cao hiệu quả của giờ học. Đặc biệt với lứa tuổi học sinh lớp 5 còn khá

hiếu động, không thật tập trung, nhưng lại thích khám phá những điều mới lạ, nên một nội dung trong bài cần được lặp đi lặp lại bằng những hình thức dạy học khác nhau, đồng thời bổ sung những kiến thức bổ ích, thú vị, hấp dẫn sự tò mò của học sinh, từ đó giúp học sinh ghi nhớ và tập trung vào bài học.

Giáo viên cần ân cần chỉ ra những sai sót, kiên trì mềm mỏng giúp học sinh chỉnh sửa lỗi. Đặc biệt bằng các hình thức khác nhau cần kịp thời khen ngợi, khích lệ, động viên từng tiến bộ của học sinh giúp học sinh mạnh dạn tự tin, từ đó nâng cao hiệu quả học tập.

Việc ghi chép và rút kinh nghiệm cũng như những lưu ý, bổ sung quan trọng sau giờ học giúp giáo viên không ngừng cải thiện kĩ năng và hiệu quả dạy học, đồng thời cũng là những gợi ý cho các đề tài nghiên cứu khoa học có giá trị thực tiễn cao.

2. Khai thác thiết bị dạy học và học liệu

Đồ dùng, thiết bị dạy học và học liệu (như phần mềm dạy viết chữ Hán, luyện âm,...) có tác dụng hỗ trợ tích cực cho hoạt động dạy học. Có thể tạo ra hình ảnh trực quan sinh động, tạo lập ngữ cảnh giao tiếp, hiệu ứng âm thanh, ánh sáng, màu sắc, cảnh quan thực tế... từ đó kích thích hứng thú học tập và khích lệ nhu cầu giao tiếp của học sinh.

Với mỗi bài học cần lựa chọn các thiết bị dạy học và học liệu gần gũi, dễ tiếp cận và phù hợp với nội dung bài học và môi trường dạy học thực tế. Ở các nơi có điều kiện thuận lợi, cần tích cực chủ động tận dụng thiết bị công nghệ cao trong dạy học như điện thoại thông minh, máy tính bảng, internet,... để thiết kế bổ sung các dạng bài tập, trò chơi ngôn ngữ online... Ngoài ra cũng có thể tranh thủ các phần mềm hỗ trợ dạy học miễn phí hoặc thu phí để mở rộng, nâng cao kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ văn hoá cho học sinh.

Giáo viên cũng có thể sưu tầm, lựa chọn, biên tập các học liệu tham khảo (bao gồm ngữ liệu trên internet, sách học, vở viết tập, câu chuyện về chữ Hán, phim hoạt hình, các bài hát đồng dao...) phù hợp trình độ và nội dung cuốn sách để hướng dẫn các học sinh khá giỏi bồi dưỡng ngữ cảm và mở rộng vốn từ.

Hướng dẫn học sinh tự tạo ra các tư liệu học tập như vẽ tranh về bạn bè, nhà trường, gia đình, những đồ vật, màu sắc, đồ ăn thức uống yêu thích hoặc tự thiết kế danh thiếp, thiệp sinh nhật,...

III. GỢI Ý HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Kiểm tra đánh giá là khâu quan trọng và cũng là nội dung cấu thành trong việc sử dụng hiệu quả sách giáo khoa. Hình thức kiểm tra đánh gia cần linh hoạt và kết hợp các hình thức khác nhau để đạt được mục đích đánh giá toàn diện.

– Kết hợp giữa (1) Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; (2) Đánh giá chẩn đoán, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết (ưu tiên đánh giá quá trình); (3) Đánh giá tham chiếu tiêu chí và đánh giá tham chiếu định chuẩn (ưu tiên đánh giá tham chiếu tiêu chí); (4) Đánh giá tích hợp năng lực sử dụng ngôn ngữ và đánh giá riêng lẻ từng kĩ năng giao tiếp ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), ở giai đoạn đầu có thể đánh giá riêng lẻ kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm).

– Kết hợp các hình thức đánh giá định tính và định lượng. Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tự đánh giá và tham gia vào quá trình đánh giá.

IV. CẤU TRÚC KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY THAM KHẢO

Khung kế hoạch bài dạy là dàn ý giờ lên lớp của giáo viên, giúp giáo viên chủ động thực hiện giờ dạy đúng mục đích, đúng kế hoạch và hiệu quả. Khung kế hoạch bài dạy bao gồm các nội dung sau:

(1) Tiêu đề bài học: Cần ghi rõ tên bài, thuộc chủ điểm cụ thể nào.

(2) Mục tiêu bài học: Trong đó hiệu quả giao tiếp là mục đích bao trùm, các mục tiêu về kĩ năng, kiến thức ngôn ngữ, văn hoá đều nhằm thực hiện mục đích giao tiếp.

(3) Trọng tâm dạy học: Liệt kê các nội dung về giảng luyện kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ, văn hoá cụ thể của bài học.

(4) Phương pháp dạy học: Ưu tiên phương pháp chủ đạo là dạy học giao tiếp, kết hợp với các thủ pháp, kĩ năng bổ trợ khác.

(5) Thiết bị dạy học và học liệu: Liệt kê các đồ dùng, thiết bị dạy học và học liệu phù hợp với từng bài học và với điều kiện thực tế.

(6) Tiến trình dạy học: Cần thể hiện rõ và đầy đủ các nội dung dạy học cụ thể, thời gian tương ứng, hình thức hoạt động của giáo viên và học sinh cho từng nội dung dạy học, mục đích cần đạt của các hoạt động đó...

(7) Phương thức kiểm tra đánh giá: Bao gồm kiểm tra việc ôn tập bài cũ, kiểm tra hiệu quả tiếp nhận kiến thức mới học, kiểm tra mức độ chuyển hoá kĩ năng giao tiếp,...

(8) Phản hồi sau giờ học: Đây là ô trống để giáo viên bổ sung và hoàn thành sau mỗi giờ học, nhằm rút kinh nghiệm về mọi mặt cho các giờ học tiếp theo, là tư liệu góp ý phản hồi cho các bên liên quan và là gợi ý cho chính giáo viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

PHẦN II: GỢI Ý GIẢNG DẠY TỪNG BÀI HỌC

第一课：我想给你介绍我的新朋友

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 1, học sinh biết cách giới thiệu về người khác; biết cách đọc số điện thoại.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

– Từ vựng:

给，介绍，新，高兴，认识，时间，电话，问，打电话，文雄（专名），想，出发，号码，告诉，叔叔，阿姨，手机

– Cấu trúc:

……给……

我妈妈的电话号码是……

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và biết cách giới thiệu về người khác, biết cách nói số điện thoại của mình cho người khác hoặc ngược lại.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán: 打，电，话，高，兴，朋，友，想

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách giới thiệu về người khác; biết cách nói về số điện thoại của mình cũng như hỏi số điện thoại của người khác.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1.Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp và giới thiệu về cấu trúc cũng như một số nội dung cơ bản, nhân vật trong sách giáo khoa Tiếng Trung Quốc 5	– GV và HS chào nhau. – GV sẽ tự giới thiệu bản thân trước, sau đó lần lượt HS sẽ tự giới thiệu tên của mình với cả lớp, có thể thêm từ "新" để giới thiệu cụm từ "新老师，新同学"
2	Trò chơi nhỏ	Mời cả lớp nhớ và đọc số điện thoại của bố, mẹ hoặc bất của thành viên nào trong gia đình mà các em nhớ, xem HS ai có khả năng nhớ nhiều số điện thoại nhất.
3	Chuẩn bị vào bài học mới	– Mỗi HS sẽ chuẩn bị giới thiệu một HS khác trong lớp cho các bạn mình làm quen. – GV giới thiệu nội dung bài học mới sẽ nói về cách giới thiệu người khác, cách hỏi số điện thoại và đọc số điện thoại.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe phần 1/1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân.
		– Trò chơi nhỏ: GV nói từ tiếng Việt, HS nói từ tiếng Trung và ngược lại. Làm nhiều lần, không theo thứ tự, tốc độ nhanh dần đều. – Lập nhóm nhỏ khoảng 3 – 4 HS. HS 1 nói từ tiếng Việt hoặc tiếng Trung, chỉ định bạn khác nói nghĩa tiếng Trung hoặc tiếng Việt tương ứng. Bạn vừa trả lời lại tiếp tục làm như vậy theo vòng tròn. GV quan sát từng nhóm và sửa lỗi cho HS.

Tiết	Nội dung	Hình thức
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 我给你介绍我的新朋友，他叫……。 – Mỗi HS sẽ giới thiệu một HS khác, sau khi HS đó giới thiệu xong, cả lớp sẽ nói "很高兴认识你。"
2	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 1)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, yêu cầu HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 1. 妈妈给我买一件衣服。 2. 昨天文雄给爷爷打电话。 3. 她给妹妹做中国菜。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV mở file nghe phần 1/2 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 1/3 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế. GV theo dõi và chỉnh sửa lỗi phát âm, ngữ điệu, dùng từ, cấu trúc cho HS.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe phần 1/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – GV lưu ý cách đọc số 1 trong tiếng Trung khi nói số điện thoại, không đọc "yī" mà sẽ đọc "yāo".

Tiết	Nội dung	Hình thức
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 你妈妈的电话号码是多少? 我妈妈的电话号码是……。 – GV dẫn HS đọc từng câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. – (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.) – GV dẫn đọc đếm từ 0 đến 9, giúp HS ôn lại các đọc các con số trong tiếng Trung. – GV hướng dẫn 2 HS đối thoại hỏi nhau về số điện thoại của một ai đó.
5	Ôn tập cấu trúc và luyện đọc các câu nói về số điện thoại (phần 2)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, gọi từng HS luyện đọc các câu nói về số điện thoại, chú ý cách đọc số 1. – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau. – Lập nhóm 3 – 5 HS hoặc chung cả lớp: dịch số điện thoại từ tiếng Việt sang tiếng Trung và ngược lại.
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV mở file nghe phần 1/5 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 1/6 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế.
7	Dạy và học viết chữ Hán	– GV dùng phấn bảng hoặc cho HS xem phần mềm viết chữ, hướng dẫn từng nét viết của 8 chữ và yêu cầu HS viết theo. Mỗi chữ viết trên lớp 2 – 3 chữ. – GV kiểm tra HS viết có đúng nét, đúng trật tự nét không và có nhận xét đánh giá.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Hướng dẫn HS về nhà tập viết vào vở tập viết và làm bài tập viết phiên âm, chữ Hán. – Trước khi học viết chữ mới GV có thể gọi một số HS lên bảng viết một số chữ đã học, các HS khác viết vào vở. GV nhận xét cho điểm (nếu cần thiết). Hoặc GV nhận xét vở tập viết ở nhà của HS. – GV chia nhóm cho HS làm bài tập 2. 介绍 jièshào 号码 hàomǎ 叔叔 shūshu 时间 shíjiān diànhuà 电话 rènshi 认识 gāoxìng 高兴 péngyou 朋友
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. 1. 她给爷爷打电话。 2. 老师的电话号码是073 335 556 3. 陈南给文雄介绍范老师。 4. 河芳给明英介绍一本书。 Cho HS nghe file 1/7 và chọn đáp án đúng. Mỗi cặp thoại có thể nghe 2 lượt. Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. 1.这是河芳的新朋友，他叫陈文雄。 Đáp án: C 2.我爸爸的电话号码是044 677 876。 Đáp án: A 3.明天我们十点出发去河芳家。 Đáp án: B – GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập nói theo mẫu. – GV cho HS kiểm tra vở bài tập của nhau và phát biểu nhận xét. – GV yêu cầu chuẩn bị nội dung học tập cho bài học sau (hỏi trước sở thích của bố mẹ, anh chị em trong gia đình. Hỏi nguyên nhân tại sao có sở thích như vậy).

4.3. Củng cố bài học và hướng dẫn học sinh tự học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– Khi dạy cấu trúc mới GV dùng font chữ nổi bật trên PPT hoặc phấn màu viết trên bảng, đóng khung để HS ghi nhớ. – HS viết lại các cấu trúc mới vào vở ghi. – GV hướng dẫn HS cách ghi nhớ chữ Hán.
2	Hướng dẫn HS tự học	– Nghe file nghe để luyện phát âm và nói cho đúng ngữ điệu. – Luyện viết các chữ Hán vào vở bài tập cho thuần thục, đúng quy tắc. – Khuyến khích HS tự làm clip nói theo chủ điểm của bài học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cấu trúc ……给……介绍 có trật tự không giống tiếng Việt, do đó GV nên cho HS luyện tập nhiều để quen; cấu trúc 我妈妈的电话号码是…… có trật tự giống tiếng Việt nên không cần đặc biệt giải thích, chỉ cần đóng khung yêu cầu HS đặt câu theo cấu trúc đó, khi đọc thì lưu ý cách đọc của số "1".

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế

– Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tự do theo thực tế.

– Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Khi dạy cách giới thiệu người khác, khuyến khích HS luyện tập luôn câu trả lời lại sau khi mình được người khác giới thiệu;

– Có thể kết hợp với các mẫu câu của bài 5, sách giáo khoa tiếng Trung Quốc 4 về giới thiệu các thành viên trong gia đình, giới thiệu với bạn bè, để luyện tập cấu trúc ……给……介绍

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như tự quay clip giới thiệu về những người bạn mới trong lớp) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第二课：你的爱好是什么

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 2, học sinh biết cách nói về sở thích của mình; biết cách hỏi và trả lời về nguyên nhân.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

– Từ vựng:

爱好，多，画，太，啊，早上，做早操，为什么，因为，所以，好看，电视，越文，英文

– Cấu trúc:

太……了！

A: ……为什么……？

B: 因为……，所以……

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và biết cách nói về sở thích của mình; biết cách hỏi và trả lời về nguyên nhân.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán: 所，为，文，因，太，视，影

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách nói về sở thích của mình; biết cách hỏi và trả lời về nguyên nhân.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp, ôn tập bài 1	– GV và HS chào nhau. – GV hỏi lại mẫu câu của bài 1, có thể sử dụng một bức tranh có hình ảnh một HS, sau đó giới thiệu với cả lớp "老师给你们介绍，他叫……，是我们的新同学。他爸爸的电话号码是……"
2	Trò chơi nhỏ	Mời 5 HS đại diện lớp nói về sở thích của bản thân và cho biết tại sao mình có sở thích đó, những HS còn lại sẽ nghe và ghi chú lại, sau 2 phút, bạn nào ghi và nhắc lại đúng sở thích của 5 HS vừa rồi sẽ được khen và có quà.
3	Chuẩn bị vào bài học mới	– Mỗi HS sẽ chuẩn bị giới thiệu cho các bạn trong lớp về sở thích của mình – GV giới thiệu nội dung bài học mới sẽ nói về sở thích của mình; biết cách hỏi và trả lời về nguyên nhân.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe phần 2/1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân.
		– Trò chơi nhỏ: GV nói từ tiếng Việt, HS nói từ tiếng Trung và ngược lại. Làm nhiều lần, không theo thứ tự, tốc độ nhanh dần đều. – Lập nhóm nhỏ khoảng 3 – 4 HS. HS 1 nói từ tiếng Việt hoặc tiếng Trung, chỉ định 1 bạn khác nói nghĩa tiếng Trung hoặc tiếng Việt tương ứng. Bạn vừa trả lời lại tiếp tục làm như vậy theo vòng tròn. GV quan sát từng nhóm và sửa lỗi cho HS.

Tiết	Nội dung	Hình thức
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 太……了！ – GV sử dụng một số hình ảnh, ví dụ: một chiếc áo xinh đẹp, một chú chó con dễ thương, một quả táo thật to … – Mỗi HS sẽ nêu lên cảm nhận của mình trước bức tranh đó.
2	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 1)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, yêu cầu HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 1. 这个公园太漂亮了。 2. 陈南的书包太小了。 3. 这个苹果太好吃了。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV mở file nghe phần 2/2 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 2/3 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế. GV theo dõi và chỉnh sửa lỗi phát âm, ngữ điệu, dùng từ, cấu trúc cho HS.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe phần 2/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) A: ……为什么……? B: 因为……，所以……。

Tiết	Nội dung	Hình thức
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV dẫn HS đọc từng câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. – (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.) – GV hướng dẫn 2 HS đối thoại hỏi nhau về sở thích của nhau và cho biết nguyên nhân.
5	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 2)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, yêu cầu HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 1. 因为面包好吃，所以我喜欢吃面包。 2. 因为下雨，所以我们不去公园玩儿。 3. 你为什么买这件衣服? – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV mở file nghe phần 2/5 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 2/6 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế.
7	Dạy – học viết chữ Hán	– GV dùng phấn bảng hoặc cho HS xem phần mềm viết chữ, hướng dẫn từng nét viết của 8 chữ và yêu cầu HS viết theo. Mỗi chữ viết trên lớp 2 – 3 chữ. – GV kiểm tra HS viết có đúng nét, đúng trật tự nét không và có nhận xét đánh giá. – Hướng dẫn HS về nhà tập viết vào vở tập viết và làm bài tập viết phiên âm, chữ Hán.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Trước khi học viết chữ mới GV có thể gọi một số HS lên bảng viết một số chữ đã học, các HS khác viết vào vở. GV nhận xét cho điểm (nếu cần thiết). Hoặc GV nhận xét vở tập viết ở nhà của HS. – GV chia nhóm cho HS làm bài tập 2. 早操 zǎocāo 画画儿 huà huàr 电视 diànshì 爱好 àihào yīnwèi 因为 suǒyǐ 所以 wèi shénme 为什么 diànyǐng 电影
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. 1.陈南的爱好是画画儿。 2.明英喜欢看书。 3. 因为苹果太好吃了! 4. 因为今天下雨，所以他们不去玩儿。 Cho HS nghe file 2/7 và chọn đáp án đúng. Mỗi cặp thoại có thể nghe 2 lượt. Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. 1. 因为看书很有意思，所以我很喜欢看书。 Đáp án: A 2. 太好了！我们都喜欢看越文书。 Đáp án: C 3. 陈南友很多爱好，看电影、看书、画画儿。 Đáp án: C – GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập nói theo mẫu và bài tập hoàn thành câu, hội thoại – GV cho HS kiểm tra vở bài tập của nhau và phát biểu nhận xét. – GV yêu cầu chuẩn bị nội dung học tập cho bài học sau (có thể xem và đọc trước từ mới, ghi nhớ nghĩa của từ).

4.3. Củng cố bài học và hướng dẫn học sinh tự học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– Khi dạy cấu trúc mới GV dùng font chữ nổi bật trên PPT hoặc phấn màu viết trên bảng, đóng khung để HS ghi nhớ. – HS viết lại các cấu trúc mới vào vở ghi. – GV hướng dẫn HS cách ghi nhớ chữ Hán.
2	Hướng dẫn HS tự học	– Nghe file nghe để luyện phát âm và nói cho đúng ngữ điệu. – Luyện viết các chữ Hán vào vở bài tập cho thuần thục, đúng quy tắc. – Khuyến khích HS tự làm clip nói theo chủ điểm của bài học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cấu trúc 太……了！ có trật tự hơi khác tiếng Việt, do đó GV nên cho HS luyện tập nhiều để làm quen; cấu trúc ……为什么……？；因为……，所以…… có trật tự giống tiếng Việt nên không cần đặc biệt giải thích, chỉ cần đóng khung yêu cầu HS đặt câu theo cấu trúc đó.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế

– Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tự do theo thực tế.

– Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi dạy cách nói về nguyên nhân, có thể chơi trò chơi nối hai vế câu: GV chia HS thành 2 nhóm, một nhóm sử dụng mẫu câu 因为, nhóm còn lại sử dụng mẫu câu 所以, mỗi nhóm viết 5 câu, đánh số thứ tự từ 1 đến 5, sau khi hết thời gian chuẩn bị, GV gọi đại diện mỗi nhóm 2 HS, lần lượt chọn câu để nối lại với nhau, xem ý nghĩa có hợp không? Xem HS ghé được bao nhiêu câu hợp nghĩa.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5 Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như tự quay clip giới thiệu về những người bạn mới trong lớp) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第三课：你能不能帮我

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 3, học sinh biết cách hỏi ý kiến và đề nghị đơn giản; biết cách biểu đạt được thái độ cảm thán.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

– Từ vựng:

水果，橙子，甜，可惜，乱，收拾，重，帮，文学，漫画书，真，借，没问题，历史

– Cấu trúc:

……不……

……真……啊

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và biết cách hỏi ý kiến và đề nghị đơn giản; biết cách biểu thị cảm thán.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán: 甜，乱，动，物，重，帮，真，借

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách hỏi ý kiến và đề nghị đơn giản; biết cách biểu đạt thái độ cảm thán.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp, ôn tập bài 2	– GV và HS chào nhau. – GV hỏi lại mẫu câu của bài 2, có thể sử dụng một bức tranh có hình ảnh 1 HS đang xem sách, sau đó hỏi cả lớp "他的爱好是什么？"
2	Trò chơi nhỏ	Sử dụng một số tranh ảnh về từ có liên quan đến bài học như: ngọt, lộn xộn, thu dọn, trái cây,… GV đặt câu hỏi, đưa ra ý kiến và đề nghị ví dụ: Các em thấy căn phòng này thế nào?; Các em có thể giúp cô dọn dẹp được không?…
3	Chuẩn bị vào bài học mới	– GV đưa ra tình huống, mỗi HS sẽ nêu một ý kiến của mình đối với tình huống đó; GV đưa một bức tranh, HS nêu cảm nghĩ về bức tranh đó. – GV giới thiệu nội dung bài học mới sẽ nói cách hỏi ý kiến và đề nghị đơn giản; biết cách biểu thị cảm thán.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe phần 3/1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân.
		– Trò chơi nhỏ: GV nói từ tiếng Việt, HS nói từ tiếng Trung và ngược lại. Làm nhiều lần, không theo thứ tự, tốc độ nhanh dần đều. – Lập nhóm nhỏ khoảng 3 – 4 HS. HS 1 nói từ tiếng Việt hoặc tiếng Trung, chỉ định 1 bạn khác nói nghĩa tiếng Trung hoặc tiếng Việt tương ứng. Bạn vừa trả lời lại tiếp tục làm như vậy theo vòng tròn. GV quan sát từng nhóm và sửa lỗi cho HS.

Tiết	Nội dung	Hình thức
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 去不去? – GV sử dụng một số hình ảnh, ví dụ: một chiếc áo xinh đẹp, một chú chó con dễ thương, một quả táo thật to … – Sau đó GV sẽ giúp HS luyện mẫu câu trên, ví dụ: 这件衣服漂亮不漂亮? 这只小狗可爱不可爱? 这个苹果大不大?
2	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 1)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, yêu cầu HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 1. 你妹妹的房间大不大? 2. 你明天有没有时间? 3. 这只小兔的眼睛可爱不可爱? – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV mở file nghe phần 3/2 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 3/3 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế. GV theo dõi và chỉnh sửa lỗi phát âm, ngữ điệu, dùng từ, cấu trúc cho HS.

Tiết	Nội dung	Hình thức
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe phần 3/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo.
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) ……真……啊 – GV dẫn HS đọc từng câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. – (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.) – GV sử dụng tranh ảnh, ví dụ: một văn phòng lộn xộn, một quả cam ngọt… HS nhìn tranh để nêu cảm nhận của mình, đưa ra ý kiến và đề nghị. 这个房间真乱啊! 草莓真甜啊! 你能不能帮我收拾?
5	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 2)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, yêu cầu HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 1. 这个运动场真大啊! 2. 你能不能帮我买水果? 3. 这本漫画书真有意思啊! – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV mở file nghe phần 3/5 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 6 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế.
7	Dạy – học viết chữ Hán	– GV dùng phấn bảng hoặc cho HS xem phần mềm viết chữ, hướng dẫn từng nét viết của 8 chữ và yêu cầu HS viết theo. Mỗi chữ viết trên lớp 2 – 3 chữ. – GV kiểm tra HS viết có đúng nét, đúng trật tự nét không và có nhận xét đánh giá. – Hướng dẫn HS về nhà tập viết vào vở tập viết và làm bài tập viết phiên âm, chữ Hán. – Trước khi học viết chữ mới GV có thể gọi một số HS lên bảng viết một số chữ đã học, các HS khác viết vào vở. GV nhận xét cho điểm (nếu cần thiết). Hoặc GV nhận xét vở tập viết ở nhà của HS. – GV chia nhóm cho HS làm bài tập 2. 历史 lìshǐ 水果 shuǐguǒ 橙子 chéngzi 漫画书 mànhuà shū dòngwù 动物 bāng 帮 zhòng 重 jiè 借
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. 1. 宝玉请明英吃水果。 2. 因为他房间真乱啊! 3. 这件衣服真大啊! 4. 文山给明英借漫画书。 Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. 1. 妈妈给我买牛奶，牛奶真好喝，我很喜欢。 Đáp án: B

Tiết	Nội dung	Hình thức
		2. A: 我有很多文学书和漫画书，你想不想看? B: 好啊！我想借一本漫画书。 Đáp án: A 3. 她很喜欢兔子，那只兔子的眼睛真大。 Đáp án: C – GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập nói theo mẫu; bài tập hoàn thành các hội thoại. – GV cho HS kiểm tra vở bài tập của nhau và phát biểu nhận xét. – GV yêu cầu chuẩn bị nội dung học tập cho bài học sau (bài học sau là bài ôn, cho nên HS có thể làm một số bài tập đơn giản trước).

4.3. Củng cố bài học và hướng dẫn học sinh tự học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– Khi dạy cấu trúc mới GV dùng font chữ nổi bật trên PPT hoặc phấn màu viết trên bảng, đóng khung để HS ghi nhớ. – HS viết lại các cấu trúc mới vào vở ghi. – GV hướng dẫn HS cách ghi nhớ chữ Hán.
2	Hướng dẫn HS tự học	– Nghe file nghe để luyện phát âm và nói cho đúng ngữ điệu. – Luyện viết các chữ Hán vào vở bài tập cho thuần thục, đúng quy tắc. – Khuyến khích HS tự làm clip nói theo chủ điểm của bài học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cấu trúc ……不…… có trật tự giống tiếng Việt nên không cần đặc biệt giải thích, chỉ cần đóng khung yêu cầu HS đặt câu theo cấu trúc đó. Cấu trúc ……真……啊！ giống cấu trúc ……太……了 nên có thể nhắc lại và ôn cho HS.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế

– Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tự do theo thực tế.

– Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Cho HS xem một đoạn phim hoạt hình, khuyến khích các em xem xong nêu cảm nhận của mình.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như tự quay clip giới thiệu về những người bạn mới trong lớp) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第四课：复习（1）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 4, HS có thể: (1) Ghi nhớ nghĩa, cách dùng của các từ ngữ và các cấu trúc từ bài 1 đến bài 3; (2) Hiểu và nhớ được nội dung của các bài đối thoại, các mẫu câu.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: luyện phát âm từ, cụm từ, câu ngắn

– Từ vựng: ôn tập lại các từ vựng trong chủ điểm.

– Cấu trúc: ôn tập các cấu trúc ……给……介绍；我妈妈的电话号码是……/太……了！；

A:……为什么……？；B:因为……，所以……/去不去？；……真……啊！

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: nghe hiểu các câu nói biết cách giới thiệu người khác, biết cách đọc số điện thoại; biết cách nói về sở thích của mình, biết cách hỏi và trả lời về nguyên nhân; biết cách hỏi ý kiến và đề nghị đơn giản, biết cách biểu thị cảm thán.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán được yêu cầu.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết sử dụng tiếng Trung Quốc để nói về sở thích; giới thiệu số điện thoại của mình, hỏi số điện thoại người khác, trả lời một cách lịch sự khi lần đầu được làm quen người khác, và biết cách biểu đạt cảm xúc của mình đối với một sự vật hoặc một hiện tượng nào đó.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc – GV mở nhạc bài hát tiếng Trung Quốc, cả lớp hát theo nhạc.

Giảng bài mới

<table>
<tr><th>STT</th><th>Nội dung</th><th>Hình thức</th></tr>
<tr><td>1+2+3+4</td><td>Ôn tập ngữ âm</td><td>Bài 1. Em hãy chọn các âm nghe được.
– GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng.
– GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội.
Đáp án:
<table>
<tr><td>gàosù</td><td>chéngzi✓</td><td>huā</td></tr>
<tr><td>jièshào✓</td><td>jiēshōu</td><td>rènshi✓</td></tr>
<tr><td>chéngzhī</td><td>gàosu✓</td><td>huà</td></tr>
</table>
Bài 2. Em hãy nghe và viết phiên âm để hoàn thành các đoạn hội thoại dưới đây.
– GV vẫn chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) như trước nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng.
– GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội.
Đáp án:
1. A: 能不能借我你的铅笔?
B: 没问题！给你，这只铅笔很好。
2. A: 你的书太多了，我帮你收拾。
B: 太好了！谢谢你，书真重啊！</td></tr>
</table>

STT	Nội dung	Hình thức
		3. A:我给你介绍我的老师，老师叫李光兴。 B: 李老师，您好，认识您很高兴。 4. A: 为什么你喜欢看电影? B: 因为看电影很有意思，所以我很喜欢看。 5. A: 妈妈，我想吃水果，您给我买水果，好不好? B: 好啊，我给你买苹果和草莓。
5	Ôn tập chữ Hán	Bài 3. Em hãy xem tranh viết chữ Hán tương ứng – GV cho HS quan sát tranh và phiên âm. – GV có thể gợi ý cho HS bằng cách đưa ra một số chữ Hán cho HS nhận biết và viết lại. Đáp án: 1.动物 2. 重 3. 为什么 4. 甜 5. 打电话 6. 乱
		Bài 4. Em hãy đếm số nét của các chữ Hán sau: – GV chia nhóm, quy định thời gian xem nhóm nào có đáp án nhanh nhất. – GV có thể gợi ý cho HS bằng phương pháp chọn trắc nghiệm. Đáp án 可-5 nét; 惜-11 nét; 收-6 nét; 拾-9 nét; 橙- 16 nét – GV tổng hợp điểm các nhóm và khen thưởng. – GV yêu cầu HS các đội đặt các câu hỏi giao tiếp tương tự để các đội hỏi đáp.
6	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	Bài 5. Em hãy tập viết các chữ Hán sau đây, gọi tên những nét đã được học – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của các chữ Hán 历、史、水、谢、喜、惜、新、做 yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS.
7	Viết câu	Bài 6. Em hãy xem tranh và dùng từ cho sẵn để viết câu hoàn chỉnh (có thể viết phiên âm hoặc chữ Hán) – HS quan sát hình và từ ngữ đã cho, hiểu ý nghĩa của các từ này, sau đó sẽ viết câu. – GV có thể gợi ý mẫu cho HS, hoặc đưa ra thêm nhiều hình cảnh liên quan đến từ.

STT	Nội dung	Hình thức
		Ví dụ: – Hình 1 chữ 给……打电话， HS có thể viết được rất nhiều câu như: 我给爸爸打电话。 她给爷爷打电话。 宝玉给妈妈打电话。
8	Luyện nói	Bài 7. Em hãy hoàn thành đoạn văn dưới đây để giới thiệu về một người bạn mới và sở thích của bạn ấy. GV cho HS xem nội dung của các câu mẫu, giải thích nghĩa, chỗ cần lưu ý, sau đó HS có thể làm theo nhóm, theo tổ. Bài 8. GV cho HS chơi trò chơi Hái trái cây để HS luyện nhận biết mặt chữ, luyện nói, luyện viết vào vở (tuỳ theo năng lực cá nhân HS có thể viết phiên âm hoặc chữ Hán)
	Giới thiệu về văn hóa Trung Quốc	GV giới thiệu một vài số điện thoại khẩn cấp, so sánh số điện thoại khẩn cấp ở Việt Nam và ở Trung Quốc.

4.3 Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV tổng hợp các cách giao tiếp trong chủ điểm 1 – GV tổng hợp đóng khung các cấu trúc, HS ghi nhớ
2	Gợi ý cho HS	– Khuyến khích HS ngoài giờ, về nhà luyện tập các cấu trúc đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Luyện lại các bài hát đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

Nghe và chọn phiên âm, kết hợp luyện đọc để củng cố nội dung kiến thức ngữ âm của chủ điểm 1. Kĩ năng nghe, nói được kết hợp trong bài chơi trò chơi, rèn luyện phản xạ cho HS.

5.2 Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

HS nói thực hành giao tiếp thực tế ngay với những nội dung kiến thức của chủ điểm.

5.3 Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để luyện tập các cấu trúc, cách nói đã học trong chủ điểm.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.4 Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5 Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第五课：我们的中文老师

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 5, HS có thể (1) Diễn đạt được hành động đã xảy ra; (2) Biết cách nói về địa điểm diễn ra sự việc.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 学期，已经，开始，瓶，矿泉水，盒，饼干，懂，难，问题，在，找，复习.

– Cấu trúc:

+ Nhấn mạnh cách thức “已经……了”；

+ Cách nói “làm gì ở đâu” “在……（动词）”

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về sự việc đã xảy ra, nói về địa điểm diễn ra sự việc.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản 已，经，找，盒，难，期，问，题.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để hỏi và trả lời về hành động đã xảy ra; nói về địa điểm diễn ra sự việc.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động

thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1 Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– GV ổn định tổ chức bằng một trò chơi hoặc bài hát thiếu nhi. – GV chuẩn bị một số ảnh về các số điện thoại, yêu cầu HS đứng lên đọc (chú ý các số điện thoại khẩn cấp như 111, 112, 114, 115...). – GV hỏi số điện thoại của bố/mẹ/HS A, bạn A trả lời. Sau đó hỏi bạn B số điện thoại của bố/mẹ/HS A là bao nhiêu? Tiếp theo bạn B nói số điện thoại của bố/mẹ/hoặc của mình. GV hỏi bạn C bố/mẹ/HS B.... Cứ như vậy hỏi tiếp các bạn khác. – Hoạt động diễn ra trong khoảng 5 phút. – GV giới thiệu tên bài học.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới phần 5/1, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 学期，已经，开始，瓶，矿泉水，盒，饼干. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Trong phần này, GV lưu ý cách đọc của kuàngquánshuǐ, xuéqī, kāishǐ, píng. – Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân). Ví dụ hình chai nước (ứng với 矿泉水), hình bánh quy (ứng với 饼干), hình cái chai, cái hộp.... – Hoặc có thể ghép chữ Hán và phiên âm các từ vừa học (cũng có thể chia đội hoặc chơi cá nhân). – Đối với lớp có HS khá giỏi nhiều, có thể khích lệ các em làm bài tập nghe – viết, sau đó mời các em có học lực khá, trung bình đọc các chữ Hán mà bạn viết trên bảng, mục đích luyện khả năng nghe, nói, viết.

Tiết	Nội dung	Hình thức
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách nói về cấu trúc "已经……了" : nhấn mạnh sự việc đã xảy ra. – GV cho HS đọc các ví dụ cho bài để các bạn cảm nhận được cách dùng của cấu trúc "已经……了" . – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời các em HS luyện nói "已经……了". – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 1. 陈南已经去书店买书了。 2. 他已经去食堂吃午饭了。 3. 他们已经去看电影了。
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe file nghe 1 lần toàn bộ file nghe 5/2, nghe lần 2 từng cụm/ câu cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 HS nhắc lại. Trong phần này, GV lưu ý các cấu trúc như: 有没有（……），已经……了. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 5/3: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. Ví dụ: A: ……有没有……课? B: 有，…… A: 谁是……? B: ……是……。 – Phần tiếp theo, GV có thể cho luyện nói như vậy theo đoạn 2. Khi HS luyện nói mô phỏng tốt rồi, GV sẽ mời các bạn trong lớp hội thoại tự do.
	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới 5/4, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 懂，难，问题，在，找，复习.

Tiết	Nội dung	Hình thức
4		– GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Trong đó GV lưu ý cách đọc của từ 问题，在，找，复习. – Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân). GV có thể ôn tập các từ đã học trong phần từ mới. Ví dụ: GV giơ các hình vẽ từ mới đã học trong phần 1, sau đó đặt câu hỏi và giơ các hình vẽ để HS trả lời. Cụ thể: GV: 他找什么？ HS: 他找矿泉水/饼干/一盒饼干/一瓶矿泉水... Hoặc: GV: 中文难吗？ HS: 中文不难/很难/太难了...
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cách nói khoảng cách ……在…… (động từ + tân ngữ). GV hướng dẫn cách biểu đạt làm gì ở đâu. – Đây là cấu trúc có giới từ “在” + tân ngữ làm trạng ngữ chỉ thời gian trong câu. GV đặc biệt nhấn mạnh sự khác nhau về cách biểu đạt trong tiếng Việt và tiếng Trung Quốc trong cách biểu đạt này: Tiếng Việt: Mẹ tôi làm việc ở trường học. Tiếng Trung: 我妈妈在学校工作。 Mẹ tôi (ở trường học) làm việc. – GV nêu ra một số địa điểm và hỏi HS với cấu trúc “你爸爸/妈妈...在哪儿工作？”/“你喜欢在图书馆做什么？”. HS sẽ dùng những từ đã học, căn cứ vào tình hình thực tế để trả lời. – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về cấu trúc “（谁）在（哪儿）.....？”. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 1. 很多学生在运动场运动。 2. 她姐姐在电影院看电影。 3. 他在北京学习中文。 – GV có thể yêu cầu học hỏi – đáp, đặt câu với cấu trúc này.

Tiết	Nội dung	Hình thức
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe 1 lần toàn bộ file nghe 5/5, nghe lần 2 từng câu/ đoạn cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 HS nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 5/6: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. – Bài luyện nhóm sẽ luyện theo thứ tự từ bài tập luyện mô phỏng đến bài luyện hội thoại tự do. GV căn cứ vào tình hình cụ thể để tiến hành luyện tập phù hợp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.
7	Dạy – học viết chữ Hán	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2. Đáp án: 1. xuéqī 2. kāishǐ 3. wèntí 4. bǐnggān 5. 懂 6. 找 7. 已经 8. 瓶

Tiết	Nội dung	Hình thức
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia cặp (2 HS một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. – Đáp án tham khảo 1. 她去那儿买一杯果汁。 2. 阮文雄在图书馆看漫画。 3. 文山已经吃了。 4. 她借老师一本书。 Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – GV cho HS nghe file nghe 2 lần, HS chọn ra đáp án đúng với nội dung file nghe. 1. 这个学期他们有中文课，没有英文课。 Đáp án: A 2. 国安买两瓶果汁和三个包子。 Đáp án: C 3. 我喜欢在图书馆看书，不喜欢在家看书。 Đáp án: A Bài 3. Em hãy nói theo mẫu dưới đây. – GV cho HS mô phỏng theo mẫu câu để luyện tập nói về hoạt động một ngày của mình. Ví dụ: 上午…… 下午…… 晚上…… Bài 4. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – HS dùng các từ ngữ đã học để hoàn thành câu. – GV chữa bài tập cho HS. Đáp án tham khảo: 1. 我妈妈在医院工作。 2. 我已经回学校了。 3. 他喜欢在家看书。

4.3 Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về sự việc đã xảy ra và địa điểm xảy ra sự việc.

STT	Nội dung	Hình thức
2	Gợi ý cho HS	– Khuyến khích HS ngoài giờ sử dụng cấu trúc hỏi và trả lời về khoảng cách, cách thức để hỏi nhà của bạn bè cách trường có xa không và các bạn đó đã đến trường bằng phương tiện gì. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Cách nói "已经……了" có thể không tạo thành điểm khó đối với học sinh Việt Nam. Vì vậy, GV giải thích đơn giản cho HS hiểu, luyện tập nhiều lần để tạo thói quen sử dụng/

– Cách nói "在……(động từ + tân ngữ)" nhấn mạnh về địa điểm xảy ra động tác. Đây là cấu trúc có trật tự câu khác với tiếng Việt. Vì thế, GV cần lưu ý, giảng-luyện-làm bài tập nhiều lần để giúp HS giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực từ tiếng Việt sang.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho HS.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第六课：我在上中文课呢

1.MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 6, HS có thể (1) Biết cách nói về một hành động đang diễn ra; (2) Diễn đạt được phương thức của hành động.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 在，呢，正在，故事，没关系，生词，用，铅笔，钢笔，旧，坏，筷子，勺子，好用.

– Cấu trúc:

+ Nhấn mạnh cách thức "在/正在……呢" để biểu thị hành động đang diễn ra;

+ Nhấn mạnh việc sử dụng công cụ để hành động "用……（动词）"

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về sự việc đã xảy ra, nói về địa điểm diễn ra sự việc.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản 勺，呢，正，故，事，用，钢，筷

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để nói về một hành động đang diễn ra và phương thức của hành động.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động

thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– GV ổn định tổ chức bằng một trò chơi. Cụ thể: Chia lớp thành 1 nhóm, nhóm 1 sẽ nói về đầu在…… (ở đâu), nhóm 2 sẽ nói về sau (做什么). Ví dụ Nhóm 1: 我在学校　　Nhóm 2: 学汉语 她在家看电视 ……　　…… – GV đưa ra một bức tranh để hỏi về cấu trúc "Ai đã làm gì" (已经……了). Có thể hỏi 3 – 5 câu hỏi luyện cấu trúc này. – Hoạt động diễn ra trong khoảng 5 phút. – Tiếp theo GV dẫn dắt vào bài học: Để chỉ hành động đã xảy ra thì dùng cấu trúc, thế nếu muốn diễn đạt "Ai đang làm gì" thì sẽ nói như thế nào. Cứ như vậy, GV dẫn dắt HS vào bài 6. – GV giới thiệu tên bài học.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới file nghe 6/1, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 在，呢，正在，故事，没关系，生词. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Trong phần này, GV lưu ý cách đọc của zhèngzài, gùshi, méi guānxi. – Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Hoặc có thể ghép chữ Hán và phiên âm các từ vừa học (cũng có thể chia đội hoặc chơi cá nhân). – Đối với lớp có HS khá giỏi nhiều, có thể khích lệ các em làm bài tập nghe – viết, sau đó mời các em có học lực khá, trung bình đọc các chữ Hán mà bạn viết trên bảng, mục đích luyện khả năng nghe, nói, viết.
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách nói về cấu trúc "在/正在……(呢)": dùng để diễn đạt về một hành động đang được tiến hành.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV cho HS đọc các ví dụ trong bài để các bạn cảm nhận được cách dùng của cấu trúc "在/正在……(呢)". – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời các em HS luyện nói "在/正在……(呢)". Ví dụ: 李老师在买矿泉水呢。 我们正在用钢笔写字呢。 – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 1. 爷爷在看照片呢。 2. 他爸爸正在看书。 3. 文雄正在吃包子呢。
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe file nghe 1 lần toàn bộ file nghe 6/2, nghe lần 2 từng cụm/ câu cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 HS nhắc lại. Trong phần này, GV lưu ý các cấu trúc như: 在……呢，在画画儿，看故事呢. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 6/3: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. Lưu ý phát âm các cụm từ sau: 中文故事，去动物园玩儿，看小兔子..... + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. Ví dụ: A: 你咋……呢? B: 我在……。你呢? A: 我在……。我们……（吗）? B: 好啊，……。 – Phần tiếp theo, GV có thể cho luyện nói như vậy theo đoạn 2. Khi HS luyện nói mô phỏng tốt rồi, GV sẽ mời các bạn trong lớp hội thoại tự do.

Tiết	Nội dung	Hình thức
	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới file nghe 6/4, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 用，铅笔，钢笔，旧，坏，筷子，勺子，好用. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Trong đó GV lưu ý cách đọc của từ yòng, qiān bǐ, jiù, kuàizi. – Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân). GV có thể ôn tập các từ đã học trong phần từ mới. Ví dụ: GV giơ các hình vẽ từ mới đã học trong phần 1 hoặc chính từ mới phần 2, sau đó đặt câu hỏi để HS trả lời. Cụ thể: GV: 他在做什么呢? HS: 他在去买矿泉水/饼干/铅笔/钢笔……呢。 Hoặc: GV: 他正在做什么呢? HS: 他在用钢笔写字/铅笔画花儿...
4	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cách nói công cụ để thực hiện hành động "……用 (công cụ) (động từ + tân ngữ). GV hướng dẫn cách biểu đạt làm gì bằng phương tiện nào. – Đây là cấu trúc có giới từ "用" + tân ngữ làm trạng ngữ chỉ thời gian trong câu. GV đặc biệt nhấn mạnh sự khác nhau về cách biểu đạt trong tiếng Việt và tiếng Trung Quốc trong cách biểu đạt này: Tiếng Việt: Tôi viết chữ bằng bút chì. Tiếng Trung: 我用铅笔写字。 Tôi *dùng bút chì* viết chữ. – GV nêu ra một số từ chỉ công cụ và hỏi HS với cấu trúc "你用什么写字?" / "你怎么吃饭呢?". HS sẽ dùng những từ đã học, căn cứ vào tình hình thực tế để trả lời. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 1. 我喜欢用铅笔写汉字。 2. 弟弟用钢笔写汉字。 3. 他妹妹不会用筷子吃饭。 – GV có thể yêu cầu học hỏi – đáp, đặt câu với cấu trúc này.

Tiết	Nội dung	Hình thức
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe 1 lần toàn bộ file nghe 6/5, nghe lần 2 từng câu/ đoạn cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 HS nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 6/6: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. – Bài luyện nhóm sẽ luyện theo thứ tự từ bài tập luyện mô phỏng đến bài luyện hội thoại tự do. GV căn cứ vào tình hình cụ thể để tiến hành luyện tập phù hợp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.
7	Dạy – học viết chữ Hán	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2. Đáp án: 1. zhèngzài 2. gùshi 3. hǎo yòng 4. kuàizi 5. 用 6. 没关系 7. 铅笔 8. 勺子

Tiết	Nội dung	Hình thức
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia cặp (2 HS một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. – Đáp án tham khảo 1. 他喜欢用钢笔写字。 2. 哥哥正在运动呢。 3. 她在找中文书。 4. 她用勺子吃饭。 Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. GV cho HS nghe file nghe 2 lần, HS chọn ra đáp án đúng với nội dung file nghe. 1. 文雄用钢笔写字，河芳用铅笔写字。 Đáp án: B 2. 妈妈和爸爸在做饭呢。 Đáp án: C 3. 爸爸正在医院看病，他很忙。妈妈在图书馆工作，她不忙。 Đáp án: C Bài 3. Em hãy giới thiệu hoạt động của gia đình mình với các bạn theo mẫu dưới đây. GV cho HS mô phỏng theo mẫu câu để luyện tập nói về một hành động đang được được tiến hành thông qua cấu trúc “在/正在……呢”. Bài 4. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – HS dùng các từ ngữ đã học để hoàn thành câu. – GV chữa bài tập cho HS. Đáp án tham khảo: 1. 爸爸给我买一本中文书/一个包子。 2. 姐姐用钢笔/铅笔/笔写字。 3. 我的同学正在看书/写字/画画儿呢。

4.3 Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về hành động đang được diễn ra và sách sử dụng công cụ để làm việc gì.

STT	Nội dung	Hình thức
2	Gợi ý cho HS	– Khuyến khích HS ngoài giờ sử dụng cấu trúc hỏi và trả lời với cách thức đang làm gì hoặc dùng công cụ gì để làm một hành động nào đó. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cách nói "在/正在……呢" và "用……(làm gì)" đều không là điểm ngữ pháp quá khó đối với học sinh Việt Nam. Vì vậy, GV giải thích cho HS hiểu, luyện tập nhiều lần để tạo thói quen sử dụng.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho HS.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第七课：要是不下雨，我们家就去公园玩儿

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 7, HS có thể (1) Diễn đạt được mong muốn hoặc giả thiết; (2) Diễn đạt được ý cùng ai làm việc gì.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 要是……就……，展览馆，展览，睡觉，如果……就……，外语，动画片，最近，跟，民族，生病，医院，看病.

– Cấu trúc:

+ Nói về giả thiết "如果……就……"，"要是……就……".

+ Cùng ai đó làm gì: 跟 + đối tượng + động từ…

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về địa chỉ, câu chỉ dẫn đơn giản.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản 睡，如，外，要，跟，民，病，医

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách diễn đạt mong muốn hoặc giả thiết và làm gì đó cùng ai.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động

thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– GV ổn định tổ chức bằng một trò chơi ngắn: Chia lớp thành các nhóm khác nhau, mỗi nhóm viết một ý của câu ghép: Nếu như... thì... Đây là phần chuẩn bị cho bài học sau. – Hoạt động diễn ra trong khoảng 5 phút. – GV giới thiệu tên bài học, mục tiêu bài học.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới file nghe 7/1, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 要是……就……, 展览馆, 展览, 睡觉, 如果……就……, 外语, 动画片. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu cách nói về mong muốn hoặc giả thiết, giả định thông qua cấu trúc "如果/要是……就……". – GV cho HS đọc đi đọc lại nhiều lần ví dụ để các em vận dụng cho thành thạo – GV đưa ra một giả định (如果……), HS hoàn thiện giả định đó. Ví dụ: GV: 如果我是你，..... 要是不下雨，..... – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 1. 如果身体不好，我就在家。 2. 要是不上课，我们就看动画片。 3. 如果今天不下雨，我们就去运动。
	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe file nghe 1 lần toàn bộ file nghe 7/2, nghe lần 2 từng cụm/ câu cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 HS nhắc lại.

Tiết	Nội dung	Hình thức
3		– Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 7/3: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. Gợi ý bài hội thoại mô phỏng như sau: A: 这个星期天上午，你想做什么？ B: 要是……，我就……。 A: 下午呢？ B: 如果……，我就……。 A: 晚上呢？ B: 要是……，我就……。
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới file nghe 7/4, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 最近，跟，民族，生病，医院，看病. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Khi phát âm bảng từ, GV lưu ý: zuìjìn, mínzú, shēng bìng. – Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu và hướng dẫn HS về cách biểu đạt về cùng ai làm gì: "跟…… động từ + tân ngữ". – GV lưu ý giới từ "跟+tân ngữ" làm thành phần trạng ngữ trong câu. Sau "跟" tân ngữ thường là từ chỉ người. – GV nêu ra một số tình huống và hỏi HS, yêu cầu HS dùng cấu trúc "跟…… động từ + tân ngữ" trả lời. Ví dụ: GV: 你跟谁去书店？ 你跟朋友去哪儿？ ……

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về cấu trúc này. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 他跟哥哥去看电影。 2. 我跟妈妈做晚饭。 3. 他跟老师学汉语。
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe 1 lần toàn bộ file nghe 7/5, nghe lần 2 từng câu/ đoạn cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 HS nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 7/6: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. – Linh hoạt các loại hình bài tập luyện nói ở đây. GV sẽ cho luyện bài tập hội thoại mô phỏng trước, sau đó cho luyện hội thoại tự do sau. – Một ví dụ bài tập luyện với chủ đề đi hiệu sách mua sách: + GV trình chiếu đoạn hội thoại đục lỗ, sau đó yêu cầu HS hoàn thành đoạn hội thoại đó với chủ đề trên. + HS luyện tập và từng nhóm đứng lên biểu diễn. A: 明天星期六，你有……吗? B: 有，你想……? A: 我想……。你跟我……吗? B: 要是……，我们就……。 + Đáp án tham khảo: A: 明天星期六，你有时间吗? B: 有，你想去哪儿? A: 我想去书店。你跟我去吗? B: 要是不下雨，我们就跟你去书店。

Tiết	Nội dung	Hình thức
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.
7	Dạy – học viết chữ Hán	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2. Đáp án: 1. zhǎnlǎn 2. shuìjiào 3. zuìjìn 4. mínzú 5. 看病 6. 外语 7. 如果 8. 跟
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia cặp (2 HS một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. – Gợi ý đáp án: 1. 他们正在看漫画呢。 2. 他们去民族博物馆。 3. 要是生病了，我们就去医院看病。 Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. GV cho HS nghe file nghe 2 lần, HS chọn ra đáp án đúng với nội dung file nghe. 1. 如果不下雨，我们就去公园玩儿。 Đáp án: C 2. 宝玉跟河芳去看电影，陈南很国安去民族博物馆。 Đáp án: B 3. 要是生病了，明英就跟妈妈去医院看病。 Đáp án: B

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Bài 3. Em hãy nói theo mẫu. – GV cho HS mô phỏng theo mẫu câu để luyện tập nói câu giả đinh, giả thiết với cấu trúc "如果/要是……就……" và câu sử dụng "跟 + tân ngữ" làm trạng ngữ để diễn đạt làm gì với/cùng ai. – GV có thể luyện đơn lẻ từng cá nhân, hoặc một bạn hỏi, một bạn trả lời. Bài 4. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – HS dùng các từ ngữ đã học để hoàn thành câu. – GV chữa bài tập cho HS. – Đáp án tham khảo: 1. 星期一我跟同学去学校。 2. 如果明天是星期六，我就跟同学去民族博物馆。 3. 要是你喜欢看漫画书，我们就去书店买。

4.3 Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về câu giả định/giả thiết và câu cùng ai đó làm gì.
2	Gợi ý cho HS	– Khuyến khích HS ngoài giờ sử dụng cấu trúc giả định, hoặc cấu trúc cùng ai đó làm gì để hội thoại cùng các bạn trong lớp hoặc người thân (có thể giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc được). – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Cách nói "要是/如果……就……" gần gũi với cách nói của tiếng Việt, chỉ cần giải thích đơn giản, yêu cầu HS bắt chước theo các cách nói đó. Tuy nhiên GV cũng tăng cường luyện tập để học sinh quen với cách sử dụng này.

– Cách nói "跟……(làm gì) " dùng để diễn đạt làm gì cùng với ai. Trật tự đôi câu sẽ khác với tiếng Việt, vì vậy yêu cầu HS lưu ý.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho HS.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

- Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.
- Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第八课：复习（2）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 8, HS có thể: (1) Ghi nhớ nghĩa, cách dùng của các từ ngữ và các cấu trúc từ bài 5 đến bài 7; (2) Hiểu và nhớ được nội dung của các bài đối thoại, các mẫu câu.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: luyện phát âm từ, cụm từ, câu ngắn

– Từ vựng: ôn tập lại các từ vựng trong chủ điểm.

– Cấu trúc:

+ Nhấn mạnh cách thức “已经……了”;

+ Cách nói “làm gì ở đâu” “在……（动词）”

+ Nhấn mạnh cách thức “在/正在……呢” để biểu thị hành động đang diễn ra;

+ Nhấn mạnh việc sử dụng công cụ để hành động “用……（动词）”

+ Nói về giả thiết “如果……就……”, “要是……就……”.

+ Cùng ai đó làm gì: 跟 + đối tượng + động từ…

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về sự việc đã xảy ra, nói về địa điểm diễn ra sự việc; Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về sự việc đã xảy ra, nói về địa điểm diễn ra sự việc; Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về địa chỉ, câu chỉ dẫn đơn giản.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán được yêu cầu.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết nói về sự việc đã xảy ra; nói về địa điểm diễn ra sự việc; nói về một hành động đang diễn ra; diễn đạt về việc sử dụng công cụ để hành động. Biết cách nói về mong muốn hoặc giả thiết; cách nói cùng ai đó làm việc gì.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc – GV mở nhạc bài hát tiếng Trung Quốc, cả lớp hát theo nhạc.

4.2. Giảng bài mới

<table>
<tr><th>STT</th><th>Nội dung</th><th>Hình thức</th></tr>
<tr><td>1+2+3+4</td><td>Ôn tập ngữ âm</td><td>Bài 1. Em hãy nghe và chọn các âm nghe được.
– GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng.
– GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội.
– Đáp án:
<table>
<tr><td>kāishǐ</td><td>gùshi ✓</td><td>wèntí</td></tr>
<tr><td>zhèngzài ✓</td><td>jiù</td><td>zhǎnlǎn ✓</td></tr>
<tr><td>dǒng</td><td>bīnggān ✓</td><td>hǎoyòng</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>Bài 2. Em hãy nghe và viết phiên âm để hoàn thành hội thoại dưới đây.
– GV vẫn chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) như trước nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng.
– GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội.
Đáp án:
1. A: 河芳在做什么呢?
B: 她在看动画片呢。
2. A: 他们在哪儿运动?
B: 他们在运动场运动。</td></tr>
</table>

STT	Nội dung	Hình thức
		3. A: 明天你跟谁去看展览? B: 我跟国安去看展览。 4. A: 你喜欢用什么笔写字? B: 我喜欢用钢笔写字。 5. A: 你们学中文了吗? B: 我们最近开始学中文了。
5	Ôn tập chữ Hán	Bài 3. Em hãy xem tranh viết chữ Hán tương ứng – GV cho HS quan sát tranh và phiên âm. – GV có thể gợi ý cho HS bằng cách đưa ra một số chữ Hán cho HS nhận biết và viết lại. Đáp án: 1. 旧 2. 看病 3. 外语 4. 睡觉 5. 生词 6. 没关系
		Bài 4. Em hãy đếm số nét của các chữ Hán sau: – GV chia nhóm, quy định thời gian xem nhóm nào có đáp án nhanh nhất. – GV có thể gợi ý cho HS bằng phương pháp chọn trắc nghiệm. Đáp án 懂-15 nét; 难-10 nét; 找-7 nét; 跟-13 nét; 盒- 11 nét – GV tổng hợp điểm các nhóm và khen thưởng. – GV yêu cầu HS các đội đặt các câu hỏi giao tiếp tương tự để các đội hỏi đáp.
6	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	Bài 5. Em hãy tập viết các chữ Hán dưới đây – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của các chữ Hán 旧, 近, 坏, 始, 饼, 复, 瓶, 懂 yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS.
7	Viết câu	Bài 6. Em hãy xem tranh và dùng từ ngữ cho sẵn để viết câu hoàn chỉnh (có thể viết phiên âm hoặc chữ Hán) – HS quan sát hình và từ ngữ đã cho, hiểu ý nghĩa của các từ này, sau đó sẽ viết câu.

STT	Nội dung	Hình thức
		– GV có thể gợi ý mẫu cho HS, hoặc đưa ra thêm nhiều hình cảnh liên quan đến từ. Ví dụ: Hình 1 chữ 用, HS có thể viết được rất nhiều câu như: 我喜欢用毛笔写汉字。 她用钢笔给朋友写信。 宝玉用铅笔画画儿。
8	Luyện nói	Bài 7. Em hãy kể về hoạt động đã diễn ra vào cuối tuần của mình cho cả lớp cùng nghe GV cho HS xem nội dung của các câu mẫu, giải thích nghĩa, chỗ cần lưu ý, sau đó HS có thể làm theo nhóm, theo tổ. Bài 8. GV cho HS chơi trò chơi Hoàn thành câu để HS luyện nhận biết mặt chữ, luyện nói, luyện viết vào vở (tuỳ theo năng lực cá nhân HS có thể viết phiên âm hoặc chữ Hán).
	Giới thiệu về chữ tượng hình trong tiếng Trung Quốc	– GV giới thiệu một vài chữ tượng hình quen thuộc ví dụ: chữ mộc, chữ dương, chữ ngưu, chữ vũ. – Sử dụng tìm các video về chữ tượng hình, tăng thêm hứng thú cho HS.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV tổng hợp các cách giao tiếp trong chủ điểm 2. – GV tổng hợp đóng khung các cấu trúc, HS ghi nhớ.
2	Gợi ý cho HS	– Khuyến khích HS ngoài giờ, về nhà luyện tập các cấu trúc đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Luyện lại các bài hát đã học

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

Nghe và chọn phiên âm, kết hợp luyện đọc để củng cố nội dung kiến thức ngữ âm của chủ điểm 2. Kĩ năng nghe, nói được kết hợp trong bài chơi trò chơi, rèn luyện phản xạ cho HS.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

HS nói thực hành giao tiếp thực tế ngay với những nội dung kiến thức của chủ điểm.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Chơi trò chơi để luyện tập các cấu trúc, cách nói đã học trong chủ điểm.

Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第九课：下午你做什么

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 9, học sinh biết cách diễn đạt sự việc lặp lại; giới thiệu được các hoạt động trong ngày.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

Từ vựng: 起床，刷牙，洗脸，又，睡懒觉，洗澡

西瓜，看，早饭，晚饭，记得，酸奶

– Cấu trúc: “又……”；“……的时候”

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được về thời gian biểu hoạt động trong ngày

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 牙、瓜、记、早、西、洗、晚、澡

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách sắp xếp công việc theo thời gian.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp và ôn tập nội dung đã học ở chủ điểm 2	– GV và HS chào nhau. – GV có thể tạo ra những tình huống tự nhiên để ôn tập một vài nội dung trong chủ điểm cũ. Chẳng hạn ôn mẫu câu "如果……就……", GV đặt vế câu đầu "如果我们学好汉语，……" sau đó gọi một vài HS hoàn thành tiếp vế sau, rồi lại lấy vế sau đó làm thành vế 1 để tiếp tục hoàn thành câu. Cứ như vậy tạo ra một chuỗi câu có dùng cấu trúc trên, kích thích tập trung của HS chuẩn bị vào giờ học
2	Trò chơi nhỏ	– Chia lớp ra thành 2 nhóm và thi đua nói các câu có giới từ "跟". Ví dụ: 昨天我跟妈妈去买菜。 – Nhóm nào trong thời gian quy định nói được nhiều câu đúng thì được ghi điểm.
3	Chuẩn bị vào bài học mới	– Mời cả lớp chuẩn bị bảng thời gian biểu của mình (đã được yêu cầu từ cuối buổi học trước) để bắt đầu bài học mới. GV có thể hỏi "Hôm nay các em ngủ dậy lúc mấy giờ? Ăn sáng món gì? Mấy giờ đến trường?". HS trả lời bằng tiếng Việt. GV sẽ nói: hôm nay chúng mình sẽ được học các câu này bằng tiếng Trung, xem ai nói được đúng, được nhiều…. – Hoặc GV có thể chiếu 1 thời gian biểu chỉ có giờ mà chưa có hoạt động, yêu cầu HS thử điền xem giờ đó các bạn làm gì (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Trung). Từ đó dẫn dắt vào bài mới.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe phần 9/1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân.
		– Trò chơi nhỏ: GV liên tục dùng các câu hỏi sau để HS trả lời và luyện nhớ từ (đánh số thứ tự từ để HS ghi nhớ chữ Hán) 你什么时候（几点）起床/刷牙/洗脸/洗澡?

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV có thể làm mẫu một hai lần sau đó cho HS tự hỏi và mời bạn khác trả lời. – Trong quá trình trả lời, có thể HS trả lời thành 10h mới ngủ dậy hoặc 10h mới đánh răng... GV có thể hỏi cả lớp "他睡懒觉，对吗？" "你们喜欢睡懒觉吗？" "你们星期天睡懒觉吗？ …. Như vậy có thể luyện được từ mới "睡懒觉". Với lớp học khá có thể giải thích mở rộng chữ "懒" có nghĩa là "lười", và có thể đặt câu: 小猫很懒，我不懒。
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 你昨天睡懒觉，今天又睡懒觉了。 – GV dẫn HS đọc câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. – GV hướng dẫn HS đọc 3 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm). – (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.). – Trong trường hợp không có vế đầu, GV cần giải thích câu nói hàm ý trước đó đã thực hiện hành động, và bây giờ lặp lại chính hành động đó. – GV có thể cho HS tự đặt câu để luyện cách dùng của từ 又.
2	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 1)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, yêu cầu HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 1. 他今天又去书店。 2. 哥哥又给我一个橡皮。 3. 他今天又睡懒觉了。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.

Tiết	Nội dung	Hình thức
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV mở file nghe phần 9/2 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 9/3 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế. GV theo dõi và chỉnh sửa lỗi phát âm, ngữ điệu, dùng từ, cấu trúc cho HS.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe phần 9/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – GV lưu ý động từ 看 có nghĩa là "thăm", khác với nghĩa "nhìn, xem, đọc" . Ví dụ: 看奶奶，看老师. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV ghép cụm từ và yêu cầu HS đọc theo: 吃西瓜，喜欢吃西瓜，去看老师，去看朋友，吃早饭/晚饭，做早饭/晚饭，记得做练习，记得买水果，吃酸奶，酸奶很好吃……
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 上课的时候不能打电话。 – GV dẫn HS đọc câu trên. Có thể kết hợp với 1 hình ảnh tương ứng, không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. – GV có thể đặt thêm 1 – 2 câu tương tự với những từ ngữ đã học để HS luyện cấu trúc. – GV hướng dẫn HS đọc 3 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm) 在家的时候姐姐喜欢做饭。 吃饭的时候我们都有筷子。 爸爸喜欢看书的时候喝一杯茶。 – (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.)

Tiết	Nội dung	Hình thức
5	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 2)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, yêu cầu HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 1. 下课的时候我们说“老师再见！”。 2. 我生病的时候不想吃饭。 3. 不忙的时候爸爸喜欢去运动。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau. – Lập nhóm 3 – 5 HS hoặc chung cả lớp: dịch số từ bất kì từ tiếng Việt sang tiếng Trung và ngược lại.
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV mở file nghe phần 9/5 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 9/6 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế.
7	Tập viết chữ	– GV dùng phấn bảng hoặc cho HS xem phần mềm viết chữ, hướng dẫn từng nét viết của 8 chữ và yêu cầu HS viết theo. Mỗi chữ viết trên lớp 2 – 3 chữ. – GV kiểm tra HS viết có đúng nét, đúng trật tự nét không và có nhận xét đánh giá. – Hướng dẫn HS về nhà tập viết vào vở tập viết và làm bài tập viết phiên âm, chữ Hán. – Trước khi học viết chữ mới GV có thể gọi một số HS lên bảng viết một số chữ đã học, các HS khác viết vào vở. GV nhận xét cho điểm (nếu cần thiết). Hoặc GV nhận xét vở tập viết ở nhà của HS.

Tiết	Nội dung	Hình thức
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	– GV chia nhóm cho HS làm bài tập trả lời theo tranh. – Cho HS nghe file 9/7 và làm bài trên lớp. Mỗi cặp thoại có thể nghe 2 lượt. 1. 妈妈昨天去看爷爷、奶奶，今天又去看他们。 Đáp án: C 2. 弟弟起床以后做早操，刷牙，然后吃早饭。 Đáp án: B 3. 早饭妈妈喜欢吃包子。 Đáp án: C – GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập nói theo mẫu. – GV cho HS lập thời gian biểu và trao đổi với các bạn để kiểm tra chéo nhau và phát biểu nhận xét. – GV yêu cầu chuẩn bị nội dung học tập cho bài học sau (hỏi trước tuổi của bố mẹ, anh chị em trong gia đình).

4.3. Củng cố bài học và hướng dẫn học sinh tự học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– Khi dạy cấu trúc mới GV dùng font chữ nổi bật trên PPT hoặc phấn màu viết trên bảng, đóng khung để HS ghi nhớ. – HS viết lại các cấu trúc mới vào vở ghi. – GV hướng dẫn HS cách ghi nhớ chữ Hán.
2	Hướng dẫn HS tự học	– Nghe file nghe để luyện phát âm và nói cho đúng ngữ điệu. – Luyện viết các chữ Hán vào vở bài tập cho thuần thục, đúng quy tắc. – Khuyến khích HS tự làm clip nói theo chủ điểm của bài học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Khi luyện cấu trúc “……又……” GV cần cung cấp ngữ cảnh trước đó đã thực hiện hành động (hoặc ẩn ý hoặc hiển ngôn), để nhấn mạnh sự lặp lại. Chú ý không dịch ra tiếng việt là “lại…” vì nghĩa và cách dùng của từ “lại” trong tiếng Việt không hoàn toàn giống với tiếng Trung Quốc.

– Khi luyện cấu trúc “……的时候” GV có thể đặt ra các câu hỏi như: 妈妈做饭的时候、你做什么？、上课的时候学生做什么？、在家的时候你喜欢做什么？在图书馆的时候不能做什么？开车的时候不能做什么？……. Trong quá trình luyện có thể có từ mới, GV cung cấp phiên âm để khuyến khích HS phát triển khẩu ngữ.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế

– Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tự do theo thực tế.

– Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Khi luyện về các hoạt động trong ngày, GV có thể cho các nhóm thi đua xem nhóm nào nói được nhiều hơn, có nhiều hoạt động thú vị hơn. Có thể chia ngày thường và ngày cuối tuần. Cũng có thể mở rộng nói về hoạt động của mọi người trong gia đình, bạn bè...

– HS có thể đưa ra các câu đố cho bạn kiểu như "你知道在家的时候我喜欢做什么？我得了十分的时候爸爸、妈妈给我什么？……".

– Cho HS vẽ tranh và tự quay clip giới thiệu về cuộc sống sinh hoạt trong gia đình mình.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như tự quay clip giới thiệu về hoạt động của gia đình) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十课：橙子多少钱一盒

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

– Sau khi học xong bài 10, học sinh biết cách hỏi mệnh giá tiền Trung Quốc và trả lời về giá cả khi mua sắm.

– Biết biểu đạt mức độ thấp hoặc số lượng ít.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

– Từ vựng: 钱，人民币，块，元，毛，角，万，盾

鸡蛋，有点儿，一点儿，东西，新，短，长

– Cấu trúc: ……多少钱一盒”

“……三万盾一盒”

有点儿＋形容词

形容词＋一点儿

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được về giá cả các đồ vật khi đi mua hàng

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán: 万，长，毛，东，鸡，钱，蛋，短

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, nhận biết được các tờ Nhân dân tệ với mệnh giá khác nhau, biết chủ động hỏi giá cả khi mua hàng với ngữ khí phù hợp.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp và ôn tập nội dung đã học ở bài 9	– GV và HS chào nhau. – GV có thể hỏi hằng ngày HS làm những việc gì vào thời gian nào? Trong lúc bố mẹ đi làm HS làm gì? HS làm gì khi ở nhà và ở trường…
2	Trò chơi nhỏ	Trong 3 phút HS có thể nói ra được các việc không được phép làm trong khi ở đâu đó như lớp học, thư viện, hoặc trong khi đang làm gì đó như ăn trưa, làm bài tập,… Hoặc có thể nói về điều gì xảy ra khi đang diễn ra một việc khác.
3	Chuẩn bị vào bài học mới	Hỏi xem HS có hay đi mua hàng cùng bố mẹ không, có hay tự đi siêu thị mua đồ không, có biết hỏi giá hàng không, có biết các mệnh giá Nhân dân tệ không…

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe phần 1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV lưu ý người Trung Quốc dùng 万 thay thế cách dùng 10 nghìn trong tiếng Việt. – GV ghép cụm từ và yêu cầu HS đọc theo: 多少钱，两块钱，三万盾，……
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 橙子多少钱一盒？橙子三万盾一盒。 – GV dẫn HS đọc câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. GV có thể viết các con số khác nhau để HS trả lời thay thế.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV hướng dẫn HS đọc 3 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm) 西瓜多少钱一个？草莓八块五毛一盒。这饼干十块二一盒。 – (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.)
2	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 1)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, yêu cầu HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 1. 橙子多少钱一盒？ 2. 毛笔两万越盾一支。 3. 西瓜一个一块三毛钱。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV mở file nghe phần 10/2 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 10/3 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế. GV theo dõi và chỉnh sửa lỗi phát âm, ngữ điệu, dùng từ, cấu trúc cho HS.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe phần 10/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV lưu ý 有点儿 và 一点儿 đều có 儿. Hai từ này đều biểu thị "ít", nhưng 有点儿 đứng trước tính từ dùng để biểu thị mức độ thấp, đứng sau tính từ để biểu thị tính chất có khác biệt lượng nhỏ (so sánh với một vật cùng loại khác). – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV ghép cụm từ và yêu cầu HS đọc theo: 买鸡蛋，吃鸡蛋，有点儿大，有点儿长，大一点儿，长一点儿，买东西，收拾东西，新衣服，新书，有点儿短，太短，长一点儿，太长
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 这里的鸡蛋有点儿小。那里的鸡蛋大一点儿。 – GV dẫn HS đọc câu trên. Không cần dịch mà kết hợp với hình ảnh để HS tự cảm nhận nghĩa của câu và phân biệt nghĩa và cách dùng của 2 từ 有点儿 và 一点儿. – GV hướng dẫn HS đọc 3 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm) 这双鞋有点儿旧，那双鞋新一点儿。 这个字有点儿难，我不会写。 这个西瓜大一点儿，我买这个。 – (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.)
5	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 2)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, yêu cầu HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 1. 这支毛笔有点儿小，那支大一点儿。 2. 这个练习有点儿难，我不会做。 3. 爸爸最近有点儿忙。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV có thể dùng thêm các hình vẽ hoặc dùng ngay các hình ảnh trên lớp để luyện mẫu câu này.
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV mở file nghe phần 10/5 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 10/6 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế.
7	Tập viết chữ	– GV dùng phấn bảng hoặc cho HS xem phần mềm viết chữ, hướng dẫn từng nét viết của 8 chữ và yêu cầu HS viết theo. Mỗi chữ viết trên lớp 2 – 3 chữ. – GV kiểm tra HS viết có đúng nét, đúng trật tự nét không và có nhận xét đánh giá. – Hướng dẫn HS về nhà tập viết vào vở tập viết và làm bài tập viết phiên âm, chữ Hán. – Trước khi học viết chữ mới GV có thể gọi một số HS lên bảng viết một số chữ đã học, các HS khác viết vào vở. GV nhận xét cho điểm (nếu cần thiết). Hoặc GV nhận xét vở tập viết ở nhà của HS.
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	– GV chia nhóm cho HS làm bài tập trả lời theo tranh. – Cho HS nghe file 10/7 và làm bài trên lớp. Mỗi cặp thoại có thể nghe 2 lượt. 1. 这商店的饼干十块三毛钱一盒。 Đáp án: C 2. 国安在写汉字，他觉得“钱”这个字有点儿难。 Đáp án: B 3. 明英喜欢这件衣服，因为这件衣服漂亮一点儿。 Đáp án: A – GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập nói theo mẫu. – GV cho HS kiểm tra vở bài tập của nhau và phát biểu nhận xét. – GV yêu cầu chuẩn bị nội dung học tập cho bài học sau.

4.3. Củng cố bài học và hướng dẫn học sinh tự học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– Khi dạy cấu trúc mới GV dùng font chữ nổi bật trên PPT hoặc phấn màu viết trên bảng, đóng khung để HS ghi nhớ. – HS viết lại các cấu trúc mới vào vở ghi. – GV hướng dẫn HS cách ghi nhớ chữ Hán.
2	Hướng dẫn HS tự học	– Nghe file nghe để luyện phát âm và nói cho đúng ngữ điệu. – Luyện viết các chữ Hán vào vở bài tập cho thuần thục, đúng quy tắc. – Khuyến khích HS tự làm clip nói theo chủ điểm của bài học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Cấu trúc "有点儿……" ; "……一点儿" cần được đưa vào ngữ cảnh để HS cảm nhận được cách dùng và sự khác biệt giữa chúng. Cần luyện nhiều giữa GV và HS, giữa HS với nhau cho đến khi thuần thục.

– Sau khi HS nhận diện được các mệnh giá tiền Nhân dân tệ thì lập các tình huống giả định đang đi siêu thị ở Trung Quốc để tập nói giá tiền bằng Nhân dân tệ.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế

– Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tự do theo thực tế.

– Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Có thể cho HS đóng vai người mua hàng và người bán hàng để tập hỏi giá tiền các mặt hàng, tính tổng tiền...

– Có thể yêu cầu HS lên mạng tìm hiểu giá cả một số món hàng và giao lưu trao đổi với các bạn khác trong lớp.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như tự đến siêu thị, chợ quay clip giới thiệu về giá cả một số mặt hàng, dùng từ ngữ và cấu trúc đã học để nhận xét các loại hàng hoá..).

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十一课：我们是上午去看爷爷，奶奶的

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 11, HS biết cách: (1) Diễn đạt được ý nhấn mạnh thời gian đã diễn ra hành động; (2) Diễn đạt được ý nhấn mạnh mức độ, tính chất.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

Từ vựng: 味道，香，超市，这么，新鲜，孙女

酸，尝，那么，乖，孙子，健康，放心

– Cấu trúc: 橙子是今天早上买的，不是昨天买的。

……酸酸的，甜甜的

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được về số lượng và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán: 心，市，孙，味，放，尝，道，超

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách lên kế hoạch thu xếp thời gian đi thăm hỏi người thân trong gia đình.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– HS dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ

động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp và ôn tập nội dung đã học ở bài 9	– GV và HS chào nhau. – GV có thể hỏi một vài HS các câu hỏi như sau để ôn bài tập cũ: 你的笔很漂亮。这支笔多少钱呢？这笔多少钱一支呢？ – HS hỏi nhau về giá tiền một đồ vật gì đó của bạn ngồi bên cạnh.
2	Trò chơi nhỏ	GV gọi 2 nhóm thi: GV chiếu các tờ tiền Việt Nam và Trung Quốc lên PPT, 2 đội thi xem đội nào nhận diện được nhanh và nói được đúng mệnh giá tiền của hai nước.
3	Chuẩn bị vào bài học mới	GV hỏi xem HS có hay đến thăm ông bà không, khi đến thăm ông bà thường mua quà gì biếu ông bà...

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe phần 11/1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV có thể giải thích cho HS siêu thị là những nơi bán các loại thực phẩm, đồ dùng gia đình..., khác với chợ truyền thống.
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 橙子是今天早上买的，不是昨天买的。 – GV dẫn HS đọc câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. Lưu ý cách nói này dùng để nhấn mạnh thời gian sự việc đã xảy ra. – GV hướng dẫn HS đọc 3 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm) 动画片是昨天看的，不是今天看的。 我们是星期一去展览馆的，不是星期二去的。 爸爸是八点回家的，不是九点回家的。 – (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.)

Tiết	Nội dung	Hình thức
2	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 1)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, yêu cầu HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 1. 我今天是六点半起床的。 2. 哥哥是晚上十点睡觉的。 3. 妈妈不是上午去买水果的。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV mở file nghe phần 11/2 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 11/3 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế. GV theo dõi và chỉnh sửa lỗi phát âm, ngữ điệu, dùng từ, cấu trúc cho HS.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe phần 11/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV ghép cụm từ và yêu cầu HS đọc theo: 酸奶酸酸的，尝尝这种饼干，尝尝这个橙子，那么好吃，那么多，很乖，怪怪的孩子，他的孙子，孙子很乖，很健康，身体健康，请放心，妈妈放心

Tiết	Nội dung	Hình thức
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 酸奶酸酸的、甜甜的。 – GV dẫn HS đọc câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. Chú ý sắc thái biểu thị nhấn mạnh tính chất đem lại cảm giác dễ chịu. – GV hướng dẫn HS đọc 3 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm). 苹果甜甜的，很好吃。 明英的房间干干净净的，很漂亮。 教学楼钱包是一个小小的花园。 – (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.) – GV lấy thêm các ví dụ về tính từ đơn âm tiết và song âm tiết, nhất mạnh phương thức lặp của song âm tiết là AABB. Cũng lưu ý các tính từ này thường mang sắc thái khẩu ngữ. Các ví dụ gồm cả tính từ lặp lại làm vị ngữ, định ngữ. Ví dụ: 大大的眼睛，长长的头发，红红的脸，漂漂亮亮的衣服，……
5	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 2)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, yêu cầu HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 1. 教学楼后面有一个大大的运动场。 2. 这商店的面包长长的。 3. 妹妹吃一个小小的饼干。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV mở file nghe phần 11/5 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe phần 11/6 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế.
7	Tập viết chữ	– GV dùng phấn bảng hoặc cho HS xem phần mềm viết chữ, hướng dẫn từng nét viết của 8 chữ và yêu cầu HS viết theo. Mỗi chữ viết trên lớp 2 – 3 chữ. – GV kiểm tra HS viết có đúng nét, đúng trật tự nét không và có nhận xét đánh giá. – Hướng dẫn HS về nhà tập viết vào vở tập viết và làm bài tập viết phiên âm, chữ Hán. – Trước khi học viết chữ mới GV có thể gọi một số HS lên bảng viết một số chữ đã học, các HS khác viết vào vở. GV nhận xét cho điểm (nếu cần thiết). Hoặc GV nhận xét vở tập viết ở nhà của HS.
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	– GV chia nhóm cho HS làm bài tập trả lời theo tranh. – Cho HS nghe file 11/7 và làm bài trên lớp. Mỗi cặp thoại có thể nghe 2 lượt. 1. 哥哥和我是昨天去看爷爷、奶奶的。 Đáp án: A 2. 西瓜不是上午买的，是下午买的。 Đáp án: B 3. 我家后面有一个小小的花园。 Đáp án: C – GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập nói theo mẫu. – GV cho HS kiểm tra vở bài tập của nhau và phát biểu nhận xét. – GV yêu cầu chuẩn bị nội dung học tập cho bài học sau (ôn tập nội dung chủ điểm 3).

4.3. Củng cố bài học và hướng dẫn học sinh tự học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– Khi dạy cấu trúc mới GV dùng font chữ nổi bật trên PPT hoặc phấn màu viết trên bảng, đóng khung để HS ghi nhớ. – HS viết lại các cấu trúc mới vào vở ghi. – GV hướng dẫn HS cách ghi nhớ chữ Hán.
2	Hướng dẫn HS tự học	– Nghe file nghe để luyện phát âm và nói cho đúng ngữ điệu. – Luyện viết các chữ Hán vào vở bài tập cho thuần thục, đúng quy tắc. – Khuyến khích HS tự làm clip nói theo chủ điểm của bài học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– GV có thể đặt câu hỏi để luyện kết cấu "是……的" nhấn mạnh về thời gian xảy ra hành động. Ví dụ:

你吃饭了吗？是什么时候吃的？你做练习了吗？是什么时候做的？……

– HS thuận theo câu hỏi của GV trả lời: 我是十一点吃饭的。我是上午做练习的。

– Hiện tượng ngôn ngữ tính từ lặp lại là nội dung kiến thức mới thường dùng trong văn miêu tả. Khi làm vị ngữ hoặc định ngữ đều phải có từ "的". GV có thể thông qua câu hỏi để khuyến khích HS dùng tính từ lặp lại miêu tả những cảnh vật xung quanh. Ví dụ:

她的眼睛怎么样？——她的眼睛大大的。/她大大的眼睛很漂亮。/他有一双大大的眼睛。

他的房间怎么样？——他的房间小小的。/他的房间干干净净的。/他有一个小小的房间。

这草莓怎么样？　　这草莓酸酸的，甜甜的，很好吃。

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế

– Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tự do theo thực tế.

– Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

– GV có thể bổ sung phiên âm các từ ngữ khác để HS nói được nhiều hơn. Ví dụ 头发长长的，圆圆的脸，……

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Có thể mời các HS có năng khiếu vẽ lên vẽ hình các chú thú cưng với những đặc điểm đáng yêu như: mắt to tròn, mũi đo đỏ, đuôi dài dài, mình nho nhỏ, chân mềm mềm, … (GV có thể cung cấp phiên âm cho từ mới)

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như tự quay clip giới thiệu về nghề nghiệp của thành viên trong gia đình) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十二课：复习（3）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 12, HS có thể: (1) Phát âm đúng và có ngữ điệu các câu giao tiếp ngắn; (2) Sử dụng thành thục các cấu trúc đã học trong chủ đề để hỏi đáp, giới thiệu về thời gian biểu trong ngày, hành động lặp lại, thời gian đã tiến hành một việc gì hoặc miêu tả được những đồ vật, con người xung quanh mình.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: luyện phát âm từ, cụm từ, câu ngắn

– Từ vựng: ôn tập lại các từ vựng trong chủ điểm.

– Cấu trúc: ôn tập các cấu trúc “……又”，“……的时候”，“……多少钱一……”，“有点儿……”，“……一点儿”，“是……的”，“小小的/干干净净的”

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu các câu hỏi đáp về thời gian hoạt động của các thành viên trong gia đình, về giá cả hàng hoá, về thời gian sự việc đã xảy ra, hoặc nhận xét, miêu tả các đồ vật xung quanh...

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán được yêu cầu.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách miêu tả nhận xét các đồ vật xung quanh, nhận biết được mệnh giá Nhân dân tệ, biết cách hỏi giá khi mua hàng.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– HS dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc. – GV đọc một đoạn miêu tả bất kì trong đó có các tính từ lặp lại, yêu cầu HS nghe và thi nhau tìm ra các tính từ lặp lại đó. – Hoặc GV có thể nói hoạt động của mình trong ngày và yêu cầu HS thi nhau ghi lại thời gian nghe được tương ứng với các hoạt động…

4.2 Giảng bài mới

<table>
<tr><th>STT</th><th>Nội dung</th><th>Hình thức</th></tr>
<tr><td>1+2</td><td>Ôn tập ngữ âm</td><td>Bài 1. Nghe và chọn các âm nghe được
– GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng.
– GV mở file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội.
– Đáp án:
1. jiànkāng 2. dōngxi 3. yǒudiǎnr 4. zhème</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>Bài 2. Nghe và viết phiên âm.
– GV vẫn chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) như trước nghe mỗi câu 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng.
– GV mở file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội.
Đáp án:
<table>
<tr><td>1</td><td>A: 这衣服多少钱?
B: 这件衣服六万越盾。</td></tr>
<tr><td>2</td><td>A: 我学校里有图书馆、食堂、运动场。
B: 你学校这么大、这么漂亮!</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Nội dung</th><th>Hình thức</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>3</td><td>A: 这个西瓜有点儿小，你看那个怎么样?
B: 那个西瓜大一点儿，我买那个。</td></tr>
<tr><td>4</td><td>A: 你昨天去书店了，今天为什么又去呢?
B: 因为我还要买几本书。</td></tr>
<tr><td>5</td><td>A: 这种酸奶怎么样?
B: 甜甜的、酸酸的，很好吃。</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>Bài 3. Em hãy xem tranh và viết chữ Hán tương ứng.
Đáp án
<table>
<tr><td>1. 起床</td><td>2. 超市</td></tr>
<tr><td>3. 鸡蛋</td><td>4. 洗澡</td></tr>
<tr><td>5. 西瓜</td><td>6. 记得</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>Bài 4. Đếm số nét chữ.
– GV cho HS cho cả lớp tự đếm xem ai đếm được số nét chữ nhanh nhất.
– GV chốt đáp án và cùng cả lớp đếm lại. Giải thích các nét viết liền, giải thích lí do các nét HS ngắt nhầm dẫn đến đếm sai số lượng nét.
– GV nhân bài tập này ôn tập lại thứ tự nét chữ và quy tắc viết chữ Hán.
Đáp án:
1. 12 nét; 2. 14 nét; 3. 14 nét; 4. 7 nét; 5. 11 nét.</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>Bài 5. Tập viết chữ mới.
– GV hướng dẫn HS tập viết từng chữ.
– GV tận dụng các bộ thủ đã học để giúp HS viết chữ nhanh hơn.</td></tr>
<tr><td>5+6+7</td><td>Luyện tập giao tiếp</td><td>Bài 6. Em hãy xem tranh và dùng từ cho sẵn để viết câu hoàn chỉnh (có thể viết phiên âm hoặc chữ Hán).
– HS quan sát hình và từ ngữ đã cho, hiểu ý nghĩa của các từ này, sau đó sẽ viết câu.
– GV có thể gợi ý mẫu cho HS, hoặc đưa ra thêm nhiều hình cảnh liên quan đến từ
– Ví dụ:
Hình 1 cấu trúc 是……的，HS có thể viết được các câu như: 我是星期四去书店的。我是16号去书店的。我是昨天去书店的。</td></tr>
</table>

STT	Nội dung	Hình thức
		Bài 7. Em hãy dùng từ ngữ cho sẵn để kể lại một lần đi mua sắm cùng bố mẹ. – GV cho HS ôn tập cách dùng của các cấu trúc, từ ngữ trong bài, sau đó mời 1 – 2 HS khá đặt các câu đầu tiên, tiếp theo gợi ý cho các HS khác kéo dài bài nói. – Sau đó HS có thể tự hoàn thành bài nói riêng của mình và trao đổi với bạn bên cạnh. – GV gọi một hai HS lên nói mẫu và yêu cầu HS về ghi lại vào vở bài nói này (phiên âm hoặc chữ Hán)
		Bài 8. Chúng mình cùng diễn hoạt cảnh mua sắm. – GV chia nhóm cho HS tự chuẩn bị nội dung. GV có thể cung cấp thêm một số từ ngữ bằng phiên âm để làm phong phú bài trình bày. – Mời 1 – 2 nhóm lên biểu diễn mẫu, các nhóm còn lại đưa ra nhận xét. GV sửa các lỗi sai cho HS.
8	Các yếu tố văn hoá cần chú ý	– GV giới thiệu các cách xưng hô quan hệ trong gia đình của người Trung Quốc cho HS. – HS có thể dùng các từ xưng hô này trả lời một số câu hỏi của GV để ghi nhớ. Ví dụ: 我有一个舅舅。我有一个表姐，一个表哥。我的外婆七十岁。……

4.3 Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV tổng hợp các cách giao tiếp trong chủ điểm 3. – GV tổng hợp đóng khung các cấu trúc, HS ghi chép vào vở ghi.
2	Gợi ý cho HS	– Khuyến khích HS ngoài giờ tự giới thiệu các nội dung trong chủ điểm. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Luyện lại các bài hát đã học

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

– Các kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp được nhấn mạnh sau mỗi bài tập giao tiếp.

– Cho HS luyện tập nhiều lần để tạo phản xạ dùng các từ ngữ và cấu trúc đã học.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

HS thực hành giao tiếp thực tế ngay với những nội dung kiến thức của chủ điểm.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để luyện tập các cấu trúc, cách nói đã học trong chủ điểm.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ tranh gia đình hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第十三课：他们是坐火车来的

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 13, HS có thể: (1) Diễn đạt được ý nhấn mạnh cách thức của hành động; (2) Giới thiệu được một số phương tiện giao thông.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 走路，这样，飞机，火车，汽车，怎么，来，骑，自行车，公交车，离，近，辆，那样，安全，见（见面），远.

– Cấu trúc:

+ Nhấn mạnh cách thức “是……的”; cách hỏi cách thức đơn giản “怎么+ động từ”.

+ Cách nói khoảng cách “A离B……”

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về cách thức, phương tiện giao thông đơn giản.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản 火，车，见，交，汽，远，离，辆

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để hỏi và trả lời về cách thức, nói được tên của một số phương tiện giao thông; hỏi và trả lời được về khoảng cách.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– GV ổn định tổ chức bằng một bài hát thiếu nhi. – GV chuẩn bị một số ảnh phương tiện giao thông (xe ô tô, xe đạp, xe buýt,...), tổ chức hỏi và đề nghị HS trả lời: “这是什么车？”, “你喜欢什么车？”, “你今天是怎么来学校的？”, …… – Hoạt động diễn ra trong khoảng 5 phút. – GV giới thiệu tên bài học.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới file nghe 13/1, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 走路，这样，飞机，火车，汽车，怎么，来，骑，自行车. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách nói về cách thức “怎么……？”; cách nhấn mạnh hỏi và trả lời về cách thức “是……的”. – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời các em HS luyện nói “怎么……？” và “是……的”. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 1. 我们不是走路去的。 2. 她是骑自行车去买衣服的。 3. 他是怎么去电影院的？

Tiết	Nội dung	Hình thức
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe file nghe 1 lần toàn bộ file nghe 13/2, nghe lần 2 từng cụm/ câu cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 HS nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 13/3: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới file nghe 13/4, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 公交车，离，近，辆，那样，安全，见（见面），远. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cách nói khoảng cách "A 离 B……". GV hướng dẫn cách biểu đạt về khoảng cách. – GV nhấn mạnh trong cấu trúc "A 离 B……" thì "A" và "B" thường là các danh từ chỉ địa điểm. – GV nêu ra một số địa điểm và hỏi HS với cấu trúc "A 离 B……？" – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về khoảng cách. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 1. 花园离教学楼很近。/教学楼离花园很近。 2. 你家离书店远吗? 3. 电影院离博物馆不远。/博物馆离电影院不远。

Tiết	Nội dung	Hình thức
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe 1 lần toàn bộ file nghe 13/5, nghe lần 2 từng câu/ đoạn cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 HS nhắc lại.
		– Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 13/6: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.
7	Dạy – học viết chữ Hán	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2. Đáp án: 1. gōngjiāochē 2. liàng 3. ānquán 4. qìchē 5. 飞机 6. 离 7. 这样 8. 火车
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. GV chia cặp (2 HS một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. GV cho HS nghe file nghe 2 lần, HS chọn ra đáp án đúng với nội dung file nghe. 1. 今天我是坐公交车来学校的。 Đáp án: B 2. 我们的学校离书店很近。 Đáp án: A 3. 我爷爷、奶奶是坐火车回河内的。 Đáp án: C Bài 3. Em hãy nói theo mẫu. GV cho HS mô phỏng theo mẫu câu để luyện tập nói về cách thức, phương tiện giao thông; luyện tập nói về khoảng cách. Bài 4. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – HS dùng các từ ngữ đã học để hoàn thành câu. – GV chữa bài tập cho HS. Đáp án tham khảo: 1. 范老师家离学校很近。 2. 我爷爷是坐火车来的。 3. 你怎么去超市的?

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về cách thức và cách nói về khoảng cách.
2	Gợi ý cho HS	– Khuyến khích HS ngoài giờ sử dụng cấu trúc hỏi và trả lời về khoảng cách, cách thức để hỏi nhà của bạn bè cách trường có xa không và các bạn đó đã đến trường bằng phương tiện gì. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Cách nói "怎么……; A离B……" trật tự từ gần gũi với cách nói của tiếng Việt, chỉ cần giải thích đơn giản, yêu cầu HS bắt chước theo các cách nói đó.

– Cách nói "是……的" nhấn mạnh về cách thức, yêu cầu HS lưu ý.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho HS.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

- Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.
- Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第十四课：你知道胡志明博物馆在哪儿吗

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 14, HS có thể (1) Hỏi và trả lời được về nơi chốn, địa chỉ; (2) Diễn đạt được nội dung chỉ đường.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 路，体育场，国家，市，从，往，到，十字路口，拐，过马路.

– Danh từ riêng: 胡志明，玉河，美亭，黎德寿，巴亭广场

– Cấu trúc:

+ Hỏi và trả lời về địa điểm “在……”

+ Cụm giới từ “从……”

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về địa chỉ, câu chỉ dẫn đơn giản.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản 广，马，从，过，往，拐，育，路

2.2. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để hỏi và trả lời về địa chỉ, nói được các câu chỉ dẫn đơn giản.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– GV ổn định tổ chức bằng một bài hát thiếu nhi. – GV chuẩn bị một số ảnh quen thuộc liên quan đến địa điểm (công viên, nhà thiếu nhi, sân vận động, rạp chiếu phim,...), tổ chức hỏi và đề nghị HS trả lời: “这是公园吗？”, “你知道公园在哪儿吗？”, “去公园怎么走？” …… – Hoạt động diễn ra trong khoảng 5 phút. – GV giới thiệu tên bài học.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới file nghe 14/1, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 路，体育场，国家，市，胡志明，玉河，美亭，黎德寿，巴亭广场. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu cách hỏi về địa chỉ “……在哪儿/哪里？”; cách trả lời về địa chỉ “在……”, “在……路……号”. – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời các em HS luyện nói “……在哪儿/哪里？”, và “在……”, “在……路……号”. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 1. 你们的学校在哪儿? 2. 她家在那个楼前边。 3. 你知道巴亭广场在哪儿吗?

Tiết	Nội dung	Hình thức
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe file nghe 1 lần toàn bộ file nghe 14/2, nghe lần 2 từng cụm/ câu cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 HS nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 14/3: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới file nghe 14/4, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 从, 往, 到, 十字路口, 拐, 过马路, 巴亭广场. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu và hướng dẫn HS về cách biểu đạt về địa điểm và chỉ dẫn "从……", "往……". – GV nhấn mạnh trong cấu trúc "从……" và "往……" khi biểu đạt về địa điểm thì sau "从" và "往" bắt buộc phải là các từ chỉ phương hướng và vị trí. – GV nêu ra một số địa điểm và hỏi HS, yêu cầu HS dùng cấu trúc "从……" và "往……" trả lời. – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về chỉ dẫn. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 1. 他们八点从学校出发。/八点他们从学校出发。 2. 他们是从中国来的? 3. 请你们往右边拐。

Tiết	Nội dung	Hình thức
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe 1 lần toàn bộ file nghe 14/5, nghe lần 2 từng câu/ đoạn cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 HS nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 14/6: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.
7	Dạy – học viết chữ Hán	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2. Đáp án: 1. cóng 2. Bātíng guǎngchǎng 3. wǎng 4. Húzhìmíng Shì 5. 路 6. 拐 7. 过马路 8. 十字路口
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. GV chia cặp (2 HS một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. GV cho HS nghe file nghe 2 lần, HS chọn ra đáp án đúng với nội dung file nghe. 1. 他们家在胡志明市。 Đáp án: C 2. 从这儿往右走就到超市。 Đáp án: B 3. 胡志明博物馆离巴亭广场不远。 Đáp án: A

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Bài 3. Em hãy nói theo mẫu. GV cho HS mô phỏng theo mẫu câu để luyện tập nói về địa chỉ và chỉ dẫn. Bài 4. Em hãy hoàn thành các hội thoại dưới đây. – HS dùng các từ ngữ đã học để hoàn thành câu. – GV chữa bài tập cho HS. Đáp án tham khảo: 1. B: 巴亭广场在河内。 2. A: 请问，去超市怎么走? 3. B: 往左走就是我爷爷、奶奶的家。

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về địa chỉ và chỉ dẫn.
2	Gợi ý cho HS	– Khuyến khích HS ngoài giờ sử dụng cấu trúc hỏi về địa chỉ và chỉ dẫn để hỏi bạn bè, hoặc người thân địa điểm nơi em muốn đến ở đâu, đi như thế nào để đến đó. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Cách nói "……在哪儿/ 哪里？ ； 在……" gần gũi với cách nói của tiếng Việt, chỉ cần giải thích đơn giản, yêu cầu HS bắt chước theo các cách nói đó.

– Cách nói "从……" và "往……", khi nói về địa điểm hoặc chỉ dẫn thì sau "从" và "往" bắt buộc phải là từ chỉ phương hướng và vị trí, các từ này kết hợp với "从" và "往" tạo thành cụm từ, đặt trước động từ: "从……+ động từ", "往……+ động từ"; yêu cầu HS lưu ý.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho HS.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第十五课：这把伞是在超市买的

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 15, HS có thể (1) Diễn đạt được ý nhấn mạnh địa điểm của hành động; (2) Diễn đạt được khả năng xảy ra hành động.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 把，伞，娃娃，头发，卖，文具，带，会，预报，北方，季节，南方，凉快.

– Cấu trúc:

+ Nhấn mạnh địa điểm của hành động "是……的".

+ Cách diễn đạt khả năng xảy ra hành động "会+ động từ"

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về địa điểm, sự phán đoán.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản 方，伞，把，报，具，季，带，预

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để hỏi và trả lời về địa điểm; hỏi và trả lời được về sự phán đoán.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động

thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– GV ổn định tổ chức bằng một bài hát thiếu nhi. – GV chuẩn chỉ vào một số đồ vật của HS (sách, tẩy, bút, ô,...), tổ chức hỏi và đề nghị HS trả lời: "这本书是在哪儿买的？", "那支笔是在哪儿买的？", …… – Hoạt động diễn ra trong khoảng 5 phút. – GV giới thiệu tên bài học.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới file nghe 15/1, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 把，伞，娃娃，头发，卖，文具. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách nói nhấn mạnh địa điểm "是……的". – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời các em HS luyện nói "是……的". – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 1. 你是在哪儿学习中文的? 2. 这件衣服是在超市买的。 3. 那个人是从河内来的。
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe file nghe 1 lần toàn bộ file nghe 15/2, nghe lần 2 từng cụm/ câu cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 học sinh nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 15/3: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân).

Tiết	Nội dung	Hình thức
		+ GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới file nghe 15/4, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 带，会，预报，北方，季节，南方，凉快. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo 1 trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cách diễn đạt khả năng xảy ra hành động "会……". GV hướng dẫn cách diễn đạt khả năng xảy ra hành động. – GV nhấn mạnh khi biểu đạt sự phán đoán thì "会" bắt buộc phải đứng trước 1 động từ khác. Phủ định dùng "不会". – GV nêu ra câu hỏi và hỏi HS với cấu trúc "会+ động từ……？" – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về sự phán đoán. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Trật tự chính xác của ô chữ là: 1. 明天他们会来吗？/ 他们明天会来吗？ 2. 我会帮你收拾房间。 3. 爸爸会给我买这个书包。
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe 1 lần toàn bộ file nghe 15/5, nghe lần 2 từng câu/ đoạn cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 HS nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn, file nghe 15/6: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.
7	Dạy – học viết chữ Hán	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2. Đáp án: 1. wáwa 2. yùbào 3. tóufa 4. mài 5. 把 6. 南方 7. 伞 8. 文具
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. GV chia cặp (2 HS một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. GV cho HS nghe file nghe 2 lần, HS chọn ra đáp án đúng với nội dung file nghe. 1. 这把伞我是在超市买的。 Đáp án: B 2. 今天是河芳的生日，文雄会来的。 Đáp án: A 3. 明天天气不太好，会下雨。 Đáp án: C Bài 3. Em hãy nói theo các mẫu dưới đây. GV cho HS mô phỏng theo mẫu câu để luyện tập nói về địa điểm, cách nói nhấn mạnh địa điểm; luyện tập nói về sự phán đoán. Bài 4. Em hãy xem tranh và hoàn thành các hội thoại dưới đây. – HS dùng các từ ngữ đã học để hoàn thành câu. – GV chữa bài tập cho HS. Đáp án tham khảo: 1. B: 这本中文书我是在那个书店买的。 2. B: 他会去展览馆。 3. A: 明天会下雨吗?

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về cách thức và cách nói về khoảng cách.
2	Gợi ý cho HS	– Khuyến khích HS ngoài giờ sử dụng cấu trúc nhấn mạnh hỏi bạn bè, người thân về địa điểm; sử dụng "会" hỏi về khả năng xảy ra của hành động. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Cách nói "是……的" nhấn mạnh về địa điểm, yêu cầu HS lưu ý.

– Cách nói "会……" diễn đạt khả năng xảy ra hành động, chỉ cần giải thích đơn giản, yêu cầu HS bắt chước theo cách nói đó.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho HS.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十六课：复习（4）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 16, HS có thể: (1) Ghi nhớ nghĩa, cách dùng của các từ ngữ và các cấu trúc từ bài 13 đến bài 15; (2) Hiểu và nhớ được nội dung của các bài đối thoại, các mẫu câu.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: luyện phát âm từ, cụm từ, câu ngắn

– Từ vựng: ôn tập lại các từ vựng trong chủ điểm

– Cấu trúc: ôn tập các cấu trúc 怎么+ động từ; 是……的 (nhấn mạnh cách thức); A离B……; ……在哪儿/哪里; 在……; 从……; 往……; 是……的 (nhấn mạnh địa điểm); 会+ động từ/不会+ động từ.

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu các câu nói về phương tiện giao thông, chỉ dẫn; biết cách hỏi và nhấn mạnh cách thức để trả lời; biết cách hỏi và trả lời về địa chỉ; biết cách nhấn mạnh địa điểm khi hỏi và trả lời.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán theo yêu cầu.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

Sau bài học, biết sử dụng tiếng Trung Quốc nói về phương tiện giao thông, chỉ dẫn; biết cách hỏi và nhấn mạnh cách thức để trả lời; biết cách hỏi và trả lời về địa chỉ; biết cách nhấn mạnh địa điểm khi hỏi và trả lời.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình dạy học bao gồm các nội dung: Khởi động; Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc – GV mở nhạc bài hát tiếng Trung Quốc, cả lớp hát theo nhạc.

4.2. Giảng bài mới

STT	Nội dung	Hình thức
1+2	Ôn tập ngữ âm	Bài 1. Em hãy nghe và chọn các phiên âm nghe được. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe sửa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. Đáp án: 1. xià yǔ 2. guǎi 3. huǒchē 4. gōngjiāochē 5. qìchē
		Bài 2. Em hãy nghe và viết phiên âm chữ Hán để hoàn thành các đoạn hội thoại dưới đây. – GV vẫn chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm), nghe mỗi đoạn hội thoại 2 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe sửa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. – GV yêu cầu các nhóm luyện đọc hội thoại với nhau. Đáp án: 1. zài nǎli / guǎngchǎng（在哪里/ 广场） 2. lí/ zǒu lù（离/ 走路） 3. cóng/ guǎi（从/ 拐） 4. zuò gōngjiāochē/ qí zìxíngchē（坐公交车/ 骑自行车） 5. zěnmeyàng/ tīng（怎么样/听）

STT	Nội dung	Hình thức
3+4	Ôn tập chữ Hán	Bài 3. Em hãy xem tranh viết chữ Hán tương ứng. – GV cho HS quan sát tranh và phiên âm. – GV có thể gợi ý cho HS bằng cách đưa ra một số chữa Hán cho HS nhận biết và viết lại. Đáp án: 1. 飞机　　2. 火车 3. 巴亭广场　　4. 预报 5. 过马路　　6. 骑自行车
		Bài 4. Em hãy đếm số nét của các chữ Hán dưới đây. – GV chia nhóm, quy định thời gian xem nhóm nào có đáp án nhanh nhất. – GV có thể gợi ý cho HS bằng phương pháp chọn trắc nghiệm. Đáp án: 1. 往: 8 nét 2. 卖: 8 nét 3. 远: 7 nét 4. 来: 7 nét 5. 辆: 11 nét – GV tổng hợp điểm các nhóm và khen thưởng. – GV yêu cầu HS các đội đặt các câu hỏi giao tiếp tương tự để các đội hỏi đáp.
5+6	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	Bài 5. Em hãy tập viết các chữ Hán dưới đây. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của các chữ Hán 飞, 机, 场, 自, 行, 来, 凉, 骑, 来, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS.
	Viết câu	Bài 6. Em hãy xem tranh và hoàn thành các câu dưới đây. – HS quan sát hình và từ ngữ đã cho, hiểu ý nghĩa của các từ này, sau đó sẽ viết từ ngữ cần điền vào câu.

STT	Nội dung	Hình thức
		– GV có thể gợi ý mẫu cho HS, hoặc mô tả thêm hình ảnh liên quan đến từ ngữ cần điền. Ví dụ: Hình 1: ……是在超市买的。 HS có thể điền như sau: 娃娃是在超市买的。
7+8	Luyện nói	Bài 7. Em hãy dựa vào tranh và các câu hỏi gợi ý dưới đây để giới thiệu về chiếc áo mới của em. GV cho HS xem tranh và nội dung của các câu hỏi gợi ý, giải thích nghĩa, chỗ cần lưu ý, sau đó HS có thể làm theo nhóm, theo tổ. Bài 8. Trò chơi: Đội nào giỏi hơn? – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) yêu cầu, mỗi lượt chơi 2 nhóm, đứng 2 bên bảng, mỗi nhóm sẽ được GV phát một bộ thẻ từ giống nhau, trong thời gian quy định dán đáp án lên bảng. – GV nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. – GV yêu cầu HS luyện đọc các câu dán đúng của mỗi nhóm trên bảng. – GV tổng kết số điểm các đội đạt được trong phần thi và phát phần thưởng.
	Giới thiệu về văn hóa giao thông	– GV giới thiệu ý nghĩa của biển báo giao thông – GV có thể tìm tư liệu về biển báo giao thông trên internet cho HS xem.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV tổng hợp các cách giao tiếp trong chủ điểm 4 – GV tổng hợp đóng khung các cấu trúc, HS ghi nhớ
2	Gợi ý cho HS	– Khuyến khích HS ngoài giờ, về nhà luyện tập các cấu trúc đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

Nghe và chọn phiên âm, kết hợp luyện đọc để củng cố nội dung kiến thức ngữ âm của chủ điểm 4. Kĩ năng nghe, nói được kết hợp trong bài chơi trò chơi, rèn luyện phản xạ cho HS.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

HS nói thực hành giao tiếp thực tế ngay với những nội dung kiến thức của chủ điểm.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để luyện tập các cấu trúc, cách nói đã học trong chủ điểm.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời sử dụng các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định tạo sự giao lưu trong lớp.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN III:
MẪU ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ

Kĩ năng	Nhiệm vụ đánh giá/ kiến thức cần đánh giá	Mức/ điểm			Tổng số câu, số điểm, tỉ lệ (%)
		M1	M2	M3	
Nghe hiểu	Nghe và tích ✓ hoặc ×	2 0,5	2 0,5		16 câu 4,0 điểm, (40%)
	Nghe và nối	2 0,5	2 0,5		
	Nghe và chọn A, B hoặc C	2 0,5	1 0,25	1 0,25	
	Nghe và hoàn thành đoạn văn/ đối thoại	2 0,5	1 0,25	1 0,25	
Đọc hiểu	Nhìn, đọc và tích ✓ hoặc ×	3 0,75	1 0,25		8 câu 2,0 điểm, (20%)
	Đọc và chọn đáp áp đúng	2 0,5	1 0,25	1 0,25	
Viết	Viết phiên âm/ chữ Hán	2 0,5	1 0,25	1 0,25	8 câu 2,0 điểm, (20%)
	Sắp xếp từ ngữ theo trật tự đúng	2 0,5	1 0,25	1 0,25	
Nói	Chào hỏi/ làm quen	1 0,25	1 0,25		8 câu 2,0 điểm, (20%)
	Nói câu / trả lời câu hỏi	2 0,5	1 0,25	1 0,25	
	Nhìn tranh nói câu/ từ			2 0,5	
Tổng	Số câu Số điểm	**20** **5**	**12** **3**	**8** **2**	**40** **10**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

SỞ GDĐT……
TRƯỜNG TIỂU HỌC…..

ĐỀ MINH HOẠ

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC: 22… – 22…
MÔN: TIẾNG TRUNG QUỐC 5
Thời gian: 35 phút (cho các phần A, B, C)
(không tính thời gian giao đề)

Họ và tên: …… Lớp:……

Điểm	Nhận xét của giáo viên

A. PHẦN NGHE HIỂU (4.0 ĐIỂM)

I. Nghe và đánh dấu đúng ✓ hoặc dấu sai × vào ô. (1,0 điểm)

①



☐

②



☐

③



☐

④



☐

II. Nghe và nối bức tranh mà em nghe được. (1,0 điểm)

① 

何芳

Ⓐ 

已经回家了

② 

陈南

Ⓑ 

家的电话号码

③ 

宝玉

Ⓒ 

是中文老师

④ 

李老师

Ⓓ 

喜欢运动

III. Nghe và chọn đáp án đúng. (1,0 điểm)

1. 他妈妈在_____工作。

A. 图书馆　　B. 学校　　C. 食堂

2. 国安在食堂吃_____。

A. 右边　　B. 左边　　C. 午饭

3. 他们正在上课_____。

A. 呢　　B. 了　　C. 三十五

4. 你会用_____吃饭吗?

A. 筷子　　B. 勺子　　C. 筷子和勺子

IV. Nghe và hoàn thành đoạn văn (ghi phiên âm). (1,0 điểm)

Jīntiān xīngqītiān, tiānqì hěn hǎo, wǒ (1) _____ Héfāng qù wánr. Wǒmen qù dòngwùyuán kàn xiǎo tùzi. (2) _____ zǎoshang wǒ xiǎng zài jiā fùxí kèwén, suǒyǐ wǒmen xiàwǔ qù. Wǎnshang (3) _____ bù xià yǔ, wǒmen jiù qù shūdiàn mǎi Zhōngwén shū. Wǒ hé Héfāng dōu xǐhuan kàn shū. Wǒmen dōu (4) _____ Hànzì hěn yǒuyìsi.

B. PHẦN ĐỌC HIỂU (2.0 ĐIỂM)

I. Nhìn, đọc và đánh dấu ✓ vào câu đúng hoặc × vào câu sai. (1,0 điểm)

	
1. 他们在画画儿。	2. 妈妈正在做晚饭。
	
3. 国安在吃包子。	4. 宝玉去书店。

II. Đọc và chọn câu trả lời đúng. (1.0 điểm)

Ví dụ: 0. 这是你的书包吗?	E	A. 李老师用钢笔写汉字。
1. 你在做什么呢?		B. 有，我已经开始学中文了。
2. 李老师用什么笔写汉字?		C. 我正在看中文故事呢。
3. 你妈妈在哪儿工作?		D. . 我妈妈在学校工作。
4. 这个学期你有中文课吗?		E. 是，这是我的书包。

C. PHẦN VIẾT (2,0 ĐIỂM)

I. Xem tranh, viết phiên âm hoặc chữ Hán tương ứng. (1,0 điểm)



1. 好看

_____



2. 出发

_____



3. fùxí

_____



4. gāngbǐ

_____

II. Sắp xếp các từ ngữ theo trật tự đúng. (1,0 điểm)

1. 衣服 / 你 / 买 / 这件 / 为什么 /

→ _____

2. 现在 / 我 / 汉字 了/ 会写 / 很多 /

→ _____

3. 都 / 果汁 / 我们 / 喜欢 / 喝 /

→ _____

4. 老师 / 新同学 / 给我们 / 介绍 / 一个 /

→ _____

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

D. PHẦN NÓI (2,0 ĐIỂM) (thi vào buổi thi riêng)

I. Nói về sở thích. (0,5 điểm)

1. 你的爱好是什么?

2. 你喜欢什么?

II. Trả lời câu hỏi. (1,0 điểm)

1. 你妈妈的电话号码是多少?

2. 星期天你做什么?

3. 你为什么学习中文?

4. 你为什么喜欢喝牛奶?

III. Nhìn tranh nói câu. (0,5 điểm)



1.



2.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

SỞ GDĐT.....
TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC: 22... – 22...
MÔN: TIẾNG TRUNG QUỐC 5

A. PHẦN NGHE HIỂU (4.0 ĐIỂM)

I. Nghe và đánh dấu đúng ✓ hoặc dấu sai × vào ô. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Nội dung ghi âm:

1. 认识你我很高兴。
2. 他现在在学校。
3. 爸爸给他买一杯牛奶。
4. 你和牛奶还是和果汁?

Đáp án:

1. ✓ 2. × 3. × 4. ✓

II. Nghe và nối bức tranh mà em nghe được. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Nội dung ghi âm:

1. 何芳家的电话号码。
2. 陈南喜欢运动。
3. 宝玉已经回家了。
4. 李老师是中文老师。

Đáp án:

1. B 2. D 3. A 4. C

III. Nghe và chọn đáp án đúng. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Nội dung ghi âm:

1. 他妈妈在学校工作。
2. 国安在食堂吃午饭。
3. 他们正在上课呢。
4. 你会用筷子吃饭吗?

Đáp án:

1. B 2. C 3. A 4. A

IV. Nghe và hoàn thành đoạn văn (ghi phiên âm). (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Nội dung ghi âm:

Jīntiān xīngqītiān, tiānqì hěn hǎo, wǒ gēn Héfāng qù wánr. Wǒmen qù dòngwùyuán kàn xiǎo tùzi. Yīnwèi zǎoshang wǒ xiǎng zài jiā fùxí kèwén, suǒyǐ wǒmen xiàwǔ qù.

Wǎnshang yàoshi bù xià yǔ, wǒmen jiù qù shūdiàn mǎi Zhōngwén shū. Wǒ hé Héfāng dōu xǐhuan kàn shū. Wǒmen dōu juéde Hànzì hěn yǒuyìsi.

今天星期天，天气很好，我跟何芳去玩儿。我们去动物园看小兔子。因为早上我想在家复习课文，所以我们下午去。晚上要是不下雨，我们就去书店买中文书。我和何芳都喜欢看书。我们都觉得汉字很有意思。

Đáp án:

1. gēn 2. yīnwèi 3. yàoshi 4. juéde

B. PHẦN ĐỌC HIỂU (2,0 ĐIỂM)

I. Nhìn, đọc và đánh dấu ✓ vào câu đúng hoặc × vào câu sai. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

1. × 2. ✓ 3. ✓ 4. ×

II. Đọc và chọn câu trả lời đúng. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

1. C 2. A 3. D 4. B

C. PHẦN VIẾT (2,0 ĐIỂM)

I. Xem tranh, viết phiên âm hoặc chữ Hán tương ứng. (1,0 điểm)

Mỗi từ đúng 0,25 điểm

1. hǎokàn 2. chūfān 3. 画/画画儿 4. 出发

II. Sắp xếp các từ ngữ theo trật tự đúng. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

1. 你为什么买这件衣服?
2. 现在我会写很多汉字了。
3. 我们都喜欢喝果汁。
4. 老师给我们介绍一个新同学。

D. PHẦN NÓI (2,0 ĐIỂM) (thi vào buổi thi riêng)

I. Chào hỏi. (0,5 điểm)

2 câu (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

II. Trả lời câu hỏi. (1,0 điểm)

4 câu (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

III. Nhìn tranh nói câu. (0,5 điểm)

2 câu (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRỊNH HIỀN THƯƠNG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGUYỄN BÁ HOÀN
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2025) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG TRUNG QUỐC 5 – SÁCH GIÁO VIÊN
Mã số: G0HG5N002P25
In ... bản, (QĐ ... - NXBGDHN) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in: ...
Cơ sở in: ...
Số ĐKXB: 1702-2025/CXBIPH/12-915/GD.
Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm ...
Mã số ISBN: 978-604-0-45939-8



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH





1. Tiếng Trung Quốc 5, tập một
2. Tiếng Trung Quốc 5, tập hai

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Website: https://www.nxbgd.vn